



VINAPLAST

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
Năm báo cáo 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300381966
- Vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh chưa điều chỉnh: 198.000.000.000 đồng
(Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn).
- Vốn điều lệ theo quyết định số 944/QĐ-BCT ngày 07/02/2013 của Bộ Công Thương: 194.289.130.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 194.289.130.000 đồng
- Trụ Sở chính:
 - Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
 - Tel : (84-8) 39453301 – 39453302 – 39453303 – Fax : (84-8) 39453298
 - Email: VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn
 - Website: www.VINAPLAST.com.vn
- Văn phòng đại diện:
 - Địa chỉ: 39A Ngô Quyền, Tầng 6, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Tel: (84-4) 22206091 – 22206097 – Fax: (84-4) 22206094
 - Email: VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn
 - Website: www.VINAPLAST.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị trực thuộc Bộ Công nghiệp được thành lập từ những năm 70, quá trình hình thành và phát triển của Công ty như sau:

- Tháng 3/1976 Công ty tạp phẩm (tiền thân của Công ty Nhựa Việt Nam) được thành lập với các sản phẩm chủ yếu bao gồm sản phẩm nhựa, da giấy, chất tẩy rửa, kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm...
- Để đáp ứng nhu cầu phát triển phù hợp với tình hình đổi mới của nền kinh tế, năm 1987, Công ty tạp phẩm đã được Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 421/CNn-

TCCB ngày 01/12/1987 đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp Nhựa và Tạp phẩm. Sản phẩm chính của Liên hiệp là sản phẩm nhựa, kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm.

- Năm 1989, Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 437/CNn-TCLĐ ngày 11/11/1989 đổi tên Liên hiệp các Xí nghiệp Nhựa và Tạp phẩm thành Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa và lấy tên giao dịch là VINAPLAST.
- Năm 1995, Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa được đổi tên thành Công ty Nhựa Việt Nam.
- Năm 1996, Đảng và Nhà nước thực hiện chủ trương đổi mới hệ thống quản lý kinh tế và sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước để hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh, Tổng Công ty Nhựa Việt Nam được hình thành tại Quyết định số 1189/QĐ-TCCB ngày 07/5/1996 bao gồm các doanh nghiệp Nhựa Nhà nước trực thuộc Trung ương với tên giao dịch vẫn được giữ nguyên là VINAPLAST, trong đó Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị nòng cốt để hình thành nên Tổng Công ty và thay thế Bộ Công nghiệp thực hiện vai trò quản lý ngành.
- Năm 2003, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc tiến hành cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình mới của nền kinh tế, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 72/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 thành lập Công ty Nhựa Việt Nam trên cơ sở bộ máy của Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam (cũ), được kế thừa các nghĩa vụ, quyền lợi của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
- Ngày 23/09/2008 VINAPLAST chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 198.000.000.000 đồng. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh Giang cấp ngày 23/09/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20/08/2013. Công ty đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quyết định của Bộ Công Thương và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 là 194.289.130.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính

3.1 Ngành nghề kinh doanh

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic.	2220
2	Đại lý, môi giới, đấu giá.	4610
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	8230
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu.	6619
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	4669
6	In ấn.	1811
7	Quảng cáo.	7310
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
9	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.	1629
10	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.	1709
11	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
12	Tái chế phế liệu.	3830
13	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.	7210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.	7730
15	Sản xuất thiết bị điện khác.	2790
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18	Bốc xếp hàng hóa	5224
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	5229
21	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22	Bán buôn thực phẩm	4632
23	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
24	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080

Stt	Tên ngành	Mã ngành
26	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành Kinh doanh Việt Nam (Được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Nhựa Việt Nam, số ĐKKD: 4106000201, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 28/6/2006)	

3.2 Địa bàn kinh doanh

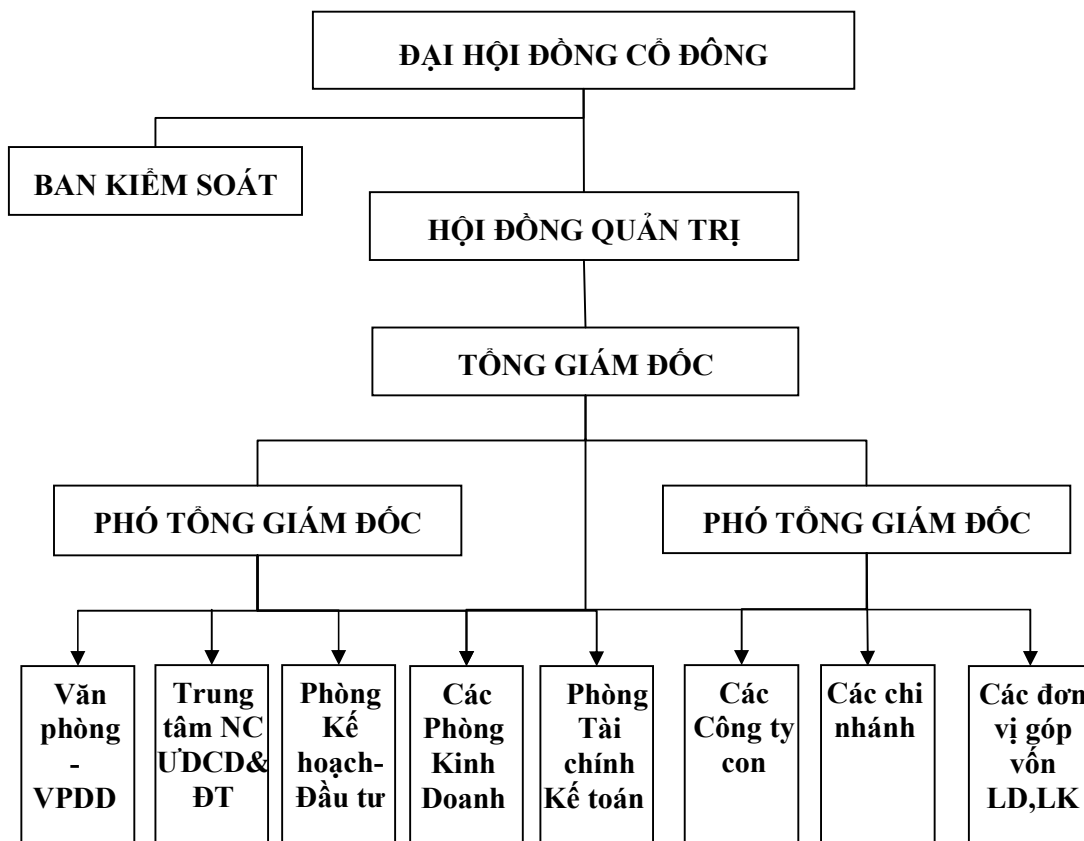
- Công ty được phép hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi cả nước và xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị Công ty

- Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.
- Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



4.3 Các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết:

4.3.1 Các công ty con

4.3.1.1 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An

- Địa chỉ: 18C Phạm Đình Hồ, Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê xe có động cơ; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn sắt thép; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

4.3.1.2 Công ty CP Nhựa Việt Phước

- Địa chỉ: Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ Plastic; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt thi công sản phẩm từ Plastic; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán sản phẩm từ Plastic.
- Tỷ lệ vốn góp: 99,52% vốn điều lệ

4.3.1.3 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một

- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm nhựa. Bán buôn phụ gia, hóa chất, dung môi, mực in ngành nhựa; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

4.3.1.4 Công ty TNHH TM và DV Nhựa Việt Nam

- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm từ nhựa. Bán buôn phụ gia. Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn dung môi, mực in phục vụ cho ngành nhựa. Bán buôn tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa (không hoạt động tại trụ sở), chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán lẻ sản phẩm từ nhựa. Bán lẻ phụ gia. Bán lẻ hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán lẻ dung môi, mực in phục vụ cho ngành nhựa. Bán lẻ tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý. Môi giới (trừ môi giới bất động sản); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa, ngành giấy, ngành xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L, chữ I); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng. Bán buôn bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, kinh doanh vận tải bằng đường hàng không, hóa lỏng khí để vận chuyển).
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

4.3.2 Các công ty liên doanh

4.3.2.1 Công ty TNHH LD Việt Thái PlastChem

- Địa chỉ: Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hạt nhựa PVC
- Tỷ lệ vốn góp: 27,51% vốn điều lệ

4.3.2.2 Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina

- Địa chỉ: Khu CN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất nhựa PVC.
- Tỷ lệ vốn góp: 15,00% vốn điều lệ

4.3.2.3 Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina

- Địa chỉ: Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất các sản phẩm được tái chế từ màng nhựa BOPP.
- Tỷ lệ vốn góp: 30% vốn điều lệ

4.3.3 Các công ty liên kết

4.3.3.1 Công ty CP Nhựa Vân Đồn

- Địa chỉ: 320 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: mua bán sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rỗng, nhãn bao bì nhựa. Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu, vật tư sản xuất, máy móc thiết bị phụ tùng khuôn mẫu ngành nhựa; In bao bì; Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trực in ngành nhựa; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo trực in ngành nhựa (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức hội chợ triển lãm; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà ở; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn thủy sản; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rỗng, nhãn bao bì nhựa (trừ tái chế phế thải).
- Tỷ lệ vốn góp: 20,69% vốn điều lệ

5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu

Để Công ty ngày càng ổn định và phát triển, Công ty hướng tới các mục tiêu cơ bản như sau:

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận thông qua các biện pháp quản lý tiên tiến với mục đích:
 - Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện và sản xuất kết nhựa.

- Hình thành các Nhà máy sản xuất nhằm đưa các đề tài nghiên cứu khoa học vào ứng dụng thử nghiệm trong sản xuất, vừa gây dựng và phát triển thương hiệu, vừa tạo công ăn việc làm cho người lao động, đẩy mạnh năng suất lao động.

- Thực hiện một số dự án đầu tư mới với vốn đầu tư nhỏ, thu hồi vốn đầu tư nhanh trên cơ sở cân đối các nguồn vốn và nhu cầu thị trường, tận dụng kinh nghiệm các cán bộ kỹ thuật ngành nhựa có nhằm tạo ra các sản phẩm nhựa mang thương hiệu Vinaplast do chính Vinaplast sản xuất.

- Thoái vốn tại các đơn vị khó kiểm soát hoặc đầu tư vốn không có hiệu quả.
- Thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty, tiến tới việc chi trả cổ tức cho các cổ đông.

5.2 Tái cấu trúc Công ty

5.2.1 Tái cơ cấu tổ chức & quản trị của Công ty

- Đảm bảo vai trò đầu mối, định hướng phát triển của Vinaplast.
- Hoàn thiện, tinh gọn bộ máy quản lý nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả trong điều hành, hoạt động.
- Thực hiện hiệu quả công tác giám sát, kiểm soát hoạt động các công ty thành viên của Công ty nhưng vẫn đảm bảo tính linh hoạt chủ động cho các đơn vị thành viên trong hoạt động SXKD thường nhật.
- Tạo ra các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có tiềm lực tài chính lớn và chuyên ngành mạnh trên cơ sở cơ cấu lại các doanh nghiệp theo hướng tập trung nguồn lực và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính.
- Giảm bớt đầu mối, chuyên môn hóa cao nhằm tránh cạnh tranh nội bộ và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp.
- Tăng cường năng lực của Người đại diện phần vốn, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và hạn chế kiêm nhiệm.

5.2.2 Tái cơ cấu ngành nghề kinh doanh

Sau khi tái cơ cấu, Công ty sẽ vẫn tập trung phát triển các ngành nghề là thế mạnh và cốt lõi với các nội dung chính như sau: nhiệm vụ kinh doanh chính trước mắt vẫn là kinh doanh thương mại, cho thuê tài chính và duy trì sản xuất các sản phẩm hiện có, từng bước giảm dần đầu tư tài chính theo lộ trình để tiến tới tập trung vào sản xuất sản phẩm mới sau khi có nguồn vốn triển khai các dự án đầu tư

5.2.3 Tái cơ cấu đơn vị thành viên

- Xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh theo hướng tinh giảm, hiệu quả, tránh cạnh tranh nội bộ.
- Giảm vốn, thoái vốn tại các đơn vị hoạt động không hiệu quả hoặc các khoản đầu tư không phải sở trường sản xuất kinh doanh hoặc các đơn vị có vốn chi phối nhỏ, không đủ để quyết định đến hoạt động của đơn vị.
- Chú trọng vào các công ty đóng vai trò quan trọng mà Công ty có thể quyết định được các vấn đề liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư. Đây là các công ty cần phải duy trì để đóng góp vào giá trị hợp nhất của Vinaplast.

Đây là những công ty có hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo phù hợp với định hướng đầu tư và phát triển của Công ty, đặc biệt là trong định hướng phát triển giá trị gia tăng trong các sản phẩm của Công ty; định hướng phát triển sản xuất các sản phẩm công nghệ cao trong nước chưa sản xuất được và thay thế nhập khẩu cũng như các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Tăng cường mối quan hệ, liên kết giữa các đơn vị thành viên để khai thác các sản phẩm trong nội bộ công ty nhằm đảm bảo hiệu quả chung của toàn Công ty.

5.2.4 Tái cơ cấu tài chính

- Sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả cao.
- Ưu tiên cho phát triển các sản phẩm sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Ưu tiên vốn trả nợ khoản vay ngắn hạn để duy trì, ổn định sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao giá trị lợi nhuận tuyệt đối.

5.2.5 Đổi mới công tác quản trị nguồn nhân lực

- Đảm bảo đáp ứng nhu cầu về nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao từ cấp đơn vị đến cấp Công ty trong giai đoạn từ nay đến 2018.
- Bố trí hợp lý, khai thác tối đa năng lực của người lao động.
- Xây dựng lại định biên lao động và thang bảng lương phù hợp theo hiệu quả công việc.
- Tinh giảm nhân sự, xây dựng bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả.
- Xây dựng quy định đánh giá chất lượng công việc, thời gian hoàn thành công việc theo mức A,B,C làm cơ sở để trả lương cho người lao động.

- Có các cơ chế lương, thưởng và phúc lợi thích hợp để người lao động yên tâm công tác cũng như thu hút thêm nguồn lao động mới với chất lượng cao.

5.2.6 Đổi mới về Quy hoạch đầu tư

- Đầu tư vào các ngành nghề chính, đặc biệt chú trọng phát triển các ngành sản xuất nguyên liệu phụ trợ, các ngành công nghệ cao trong nước chưa sản xuất được cũng như các ngành sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Đầu tư mới các dự án đầu tư nhỏ, thu hồi vốn nhanh và phù hợp với nhu cầu thị trường. Đảm bảo tính hiệu quả của các dự án khi tiến hành đầu tư cũng như khi đưa vào hoạt động.

5.2.7 Tái cấu trúc sở hữu

- Tăng quy mô vốn điều lệ đối với các đơn vị thành viên kinh doanh hiệu quả và hoạt động trong các ngành chính.
- Thoái 100% vốn tại các công ty thành viên hoạt động kém hiệu quả hoặc không cần thiết phải nắm giữ vốn do khó kiểm soát, địa bàn hoạt động không thuận lợi...

6. Các rủi ro:

- Rủi ro lớn nhất của Công ty hiện nay là tính thanh khoản. Với số vốn điều lệ được xây dựng từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần là 198.000.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại nên sử dụng vốn lớn trong khi việc góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết được kế thừa từ trước khi cổ phần hóa đã chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số vốn. Chính vì vậy, Công ty hoạt động kinh doanh hoàn toàn bằng vốn vay.

Hiện nay, Công ty vẫn đang mất cân đối tài chính, áp lực lãi vay ngân hàng lớn, đặc biệt với hoạt động cho thuê tài chính thiết bị ODA không có hiệu quả trong khi phải vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán khoản nợ dài hạn đến hạn. Ngoài ra, vốn đầu tư tài chính tại một số công ty con, công ty liên kết bằng nguồn vốn vay với lãi suất cao trong khi cổ tức thu về từ các đơn vị này chỉ bằng lãi suất huy động ngắn hạn.

- Thay đổi các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tín dụng...
- Biến động chênh lệch tỷ giá (đồng USD, CNY)...
- Rủi ro về biến động về giá nguyên liệu nhựa, thu hồi công nợ....

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ

Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần	Tr.đồng	296.873	189.352	63,78%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	-778	2.229	
Cổ tức	%	0	0	

1.2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất

Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần	Tr.đồng	447.785	236.033	52,71%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	20.689	29.106	140,68%
Cổ tức	%			

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Lê Hoàng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2013)
	Phó chủ tịch (đến ngày 28/06/2013)
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2013)
Ông Phan Trung Nam	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/6/2013)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2013 và miễn nhiệm ngày 27/06/2016)
Ông Đỗ Văn Hiếu	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2013)
Bà Trần Thị Oánh	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 27/06/2016)

2.1.1.1 Ông Lê Hoàng

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (miễn nhiệm Tổng Giám đốc từ 01 tháng 7 năm 2016)

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/7/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 001061000600 cấp ngày 20/12/2013 cấp tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 116 Yên Phụ - Nguyễn Trung Trực – Ba Đình – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán.
- Quá trình công tác:

Từ 1984 đến 1993	Cán bộ kế toán Công ty tạp phẩm – Liên hiệp SX – XNK Nhựa – Tổng Cty Nhựa Việt Nam.
Từ 1994 đến T5/2004	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Nhựa Thăng Long – Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ T06/2004 đến T11/2004	Phó Giám đốc Nhà máy nhựa Thăng Long
Từ 12/2004 đến 6/2013 Từ 6/2013 đến T8/2015	Giám đốc Công ty CP Nhựa Thăng Long, Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long
Từ 3/2008 đến 6/2013	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 2009 đến T9/2014	Đại diện phần vốn Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Bắc Giang.
Từ 11/2009 đến 6/2013	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 12/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An.
Từ 8/2011 đến T7/2013	Chủ tịch HĐQT Cty CP SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An

Từ 28/6/2013 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam đốc (miễn nhiệm Tổng Giám đốc từ 01 tháng 7 năm 2016)
Từ T8/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước (miễn nhiệm ngày 22/12/2016). Thành viên HĐQT Youlchon Vina (miễn nhiệm ngày 29/7/2016), Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch công ty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An
 - Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina.
- Số CP nắm giữ: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.2 Ông Phan Trung Nam

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Kế Toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 7 năm 2016), Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/6/1985
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND: 023538814, cấp ngày 14/6/2008 tại CA. TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: KA25D Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, HCM
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 08/2006 đến 12/2010	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST
Từ 01/2011 đến 9/2013	Phó phòng phụ trách phòng Tài chính kế toán VINAPLAST
Từ 10/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Nam (miễn nhiệm từ ngày 27 tháng 6 năm 2016)
Từ 10/2010 đến nay	Ủy viên BCH Công đoàn Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 8/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước (bổ nhiệm ngày 22/12/2016)
Từ 10/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 5/2014 đến nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa số một
Từ 7/2014 đến 5/2015	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Từ tháng 5/2015 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Từ 29/7/2016 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa YCC Vina
Từ 01/7/2016 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Vân Đồn

- Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa YCC Vina
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước (từ 22/12/2016)
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa số một
- Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.3 Bà Vũ Thị Minh Thục

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kế hoạch đầu tư
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1979
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 001179000982, cấp ngày 27/11/2013 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nam Lợi - Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 113, B1, Ngõ 203 Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

Từ T8/2001 đến T8/2002	Công tác tại Công ty Nghiên cứu thị trường Taylor Nelson Sofres - Chuyên viên nghiên cứu thị trường
Từ T8/2002 đến T7/2003	Công tác tại Chi nhánh Hưng Yên - Công ty XNK Sành Sứ Thủy tinh Việt Nam thuộc Tổng Công ty Sành Sứ Thủy tinh Công nghiệp, Bộ Công nghiệp - Chuyên viên lao động tiền lương
Từ T7/2003 đến T2/2006	Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Đầu tư
Từ T2/2006 đến T10/2006	Phụ trách nhóm KHĐT tại VPĐD tại Hà Nội
Từ T10/2006 đến T10/2008	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ T10/2008 đến T7/2013	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ T8/2013 đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ T11/2012 đến T3/2013	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Hà Nội.
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ T5/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem

- Số CP nắm giữ: 4.227.533 cổ phiếu, chiếm 21,76 % vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.

- Cá nhân sở hữu: 5.400 cổ phiếu, chiếm 0,03 % vốn điều lệ

- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.4 Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Chức vụ: Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 27/6/2016)
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 19/04/1970
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quê quán : Xã Xuân Bình, Huyện Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
- Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Kinh
- Số CMND : 025528924, cấp ngày: 02/12/2011 tại CA TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : 320A Bùi Văn Ba, KP2, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc : 0909372530
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
01/1994-12/2001	Nhân viên văn thư, đánh máy, phiên dịch, lao động tiền lương, Thư ký giám đốc Nhà máy Nhựa Tân Thuận (sau đổi tên là Công ty Nhựa Tân Thuận)
01/2002-01/2004	Thư ký giám đốc Nhà máy Nhựa Tân Phú
02/2004-7/2004	Nhân viên Văn phòng Công ty Nhựa Việt Nam
8/2004-9/2008	Phó Văn Phòng Công ty Nhựa Việt Nam
10/2008 – 9/2013	Phó Văn phòng Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam
Từ 10/2013 đến 7/2015	Phó Văn phòng Phụ trách Văn phòng Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 07/2015 đến 9/2015	Chánh Văn phòng Phụ trách Văn phòng Công ty CP Nhựa Việt Nam

Từ 07/2013 đến 6/2016	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ tháng 9/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.5 Đỗ Văn Hiếu

- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/02/1976
- Nơi sinh: Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- CMND: 281110599 cấp ngày 25/06/2011 tại CA. Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 105/18/6 (số cũ 26A/3), Đường Dĩ An - Bình Đường, Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Số ĐT liên lạc: 091 8541237
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hoá, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác:

Từ năm 2000 đến 2001	Nhân viên kỹ thuật xi mạ điện và xử lý bề mặt kim loại - Công ty TNHH Sheang Lih Cycle Vietnam.
Từ năm 2001 đến 2004	Nhân viên Kỹ thuật và Kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 2004 đến T11/2011	Trưởng Phòng Quản lý Chất lượng (QA /QC) Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ T11/2011 đến T1/2013	Phó Phòng Quản trị Hệ thống Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 02/01/2013 đến nay	Trưởng Phòng Quản trị Hệ thống Công ty CP Nhựa Vân Đồn..
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Trưởng phòng Quản trị Hệ thống - Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.
- Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.6 Trần Thị Oánh

- Chức vụ: Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/6/2016)
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/06/1960
- Nơi sinh: Duy Tiên tỉnh Hà Nam
- CMND: 023324818 cấp ngày 06/05/2009 tại CA. HCM

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Duy Tiên tỉnh Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: 285/129 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0983979815
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại Ngữ
- Quá trình công tác:

Từ năm 1992 đến 1999	Nhân viên Văn phòng Tổng Công ty Nhựa Việt Nam
Từ năm 1999 đến 2003	Chuyên viên Văn phòng Công ty Nhựa Việt Nam
Từ năm 2004 đến 2007	Phó Văn phòng Công ty Nhựa Việt Nam
Từ năm 2007 đến 2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH LD Việt Thái Plastchem
Từ năm 2008 đến tháng 8/2013	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước
Tháng 9/2013 đến nay	Thư ký HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước
Từ ngày 27/6/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:
 - Chồng Trần Anh Hào 5.500 cổ phiếu, chiếm 0,03 % vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.2 Ban kiểm soát

2.1.2.1 Ông Cao Minh Tâm

- Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát, chuyên viên văn phòng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1974
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND: 079074002144 cấp ngày 08/07/2016 tại CA. TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 243/103B1 Tôn Đản, Phường 15, Quận 4, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0913161881
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 10/1996 – 6/2011	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST.
Từ 07/2011– 12/2013	Chuyên viên văn phòng VINAPLAST
Từ 12/2013 đến nay	Chuyên viên Trung tâm NCUDCD&ĐT
Từ 3/2008 – nay	Trưởng ban kiểm soát VINAPLAST.
Từ T8/2013 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước, Thành viên BKS Youlchon Vina.
Từ 01/12/2014 đến nay	Thanh tra viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Từ 7/2015 đến nay	Người công bố thông tin

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước.
 - Thành viên BKS Youlchon Vina
 - Thanh tra viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem

- Người công bố thông tin của Công ty CP Nhựa Việt Nam
- Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.2.2 Bà Lê Thị Kim Phượng

- Chức vụ: Thành viên ban kiểm soát, Chuyên viên văn phòng
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/06/1965
- Nơi sinh: Hải Phòng
- CMND: 022645259 cấp ngày 22/11/2010 tại CA. TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú: 72-74 Lý Tự Trọng – Phường Bến Thành – Quận 1 – TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0919655816
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Mỹ Thuật
- Quá trình công tác:

Từ 06/1995 – 12/1996	Chuyên viên VINAPLAST.
Từ 01/1997 đến 09/2003	Chuyên viên XN TMDV Nhựa số 1
Từ 10/2003 đến nay	Chuyên viên VINAPLAST.
Từ 3/2008 đến nay	Thành viên ban kiểm soát VINAPLAST.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.2.3 Ông Nguyễn Văn Thơm

- Chức vụ: Thành viên kiểm soát
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/09/1958
- Nơi sinh: Hà Tây
- CMND: 011057020 cấp ngày 25/2/2005 tại CA. TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Tổ 10 – X2 – Lĩnh Nam – Hoàng Mai – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 0912265404
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 10/1979 đến 3/1981	Giáo viên Trường Quản lý Xí nghiệp -Gia Lâm-Hà Nội.
Từ 4/1981 đến 6/1985	Phụ trách trung đội, D9, E5, T328, Đặc khu Quảng Ninh.
Từ 7/1985 đến 9/1990	Giáo viên Trường Quản lý Xí nghiệp và học chuyên tu tập trung Trường ĐH Tài chính kế toán.

Từ 10/1990 đến 7/2004	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Giấy Tiên Sơn, Bắc Ninh
Từ 10/2006 đến 06/2011	Chuyên viên tài chính kế toán VINAPLAST
Từ 07/2011 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Nhựa Việt Phước kiêm Giám đốc chi nhánh CTCP Nhựa Việt Phước tại Hà Nội.
Từ 3/2008 đến nay	Thành viên ban kiểm soát VINAPLAST.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Phước kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Phước tại Hà Nội.
- Số CP nắm giữ:

0 cổ phiếu, chiếm	0%	vốn điều lệ
○ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm	0%	vốn điều lệ.
○ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm	0%	vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.3 Các chức danh khác:

2.1.3.1 Ông Phan Trung Nam- Tổng giám đốc (như mục 2.1.1.2)

2.1.3.2 Ông Cao Minh Tâm - Người Công bố thông tin (như mục 2.1.2.1)

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

- Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 59 người, cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)
	Lao động bình quân	62		54	

a	Chia theo trình độ				
	Trên đại học	4	6,45	3	5,56
	Đại học	24	38,71	22	40,74
	Cao đẳng	6	9,68	5	9,26
	Trung cấp nghề	5	8,06	5	9,26
	Lao động phổ thông	23	37,10	19	35,18
B	Chia theo vùng miền				
	Phía Nam	54	87,10	48	88,89
	Phía Bắc	8	12,90	6	11,11

3.2. Chính sách đối với người lao động:

3.2.1 Chế độ làm việc:

3.2.1.1 Thời gian làm việc:

- Công ty tổ chức làm việc tuần 40 giờ từ thứ Hai tới thứ sáu, nghỉ thứ bảy và Chủ nhật đối với khối Văn phòng, riêng khối sản xuất làm việc tuần 48 giờ, chia 3 ca trong ngày.

3.2.1.2 Điều kiện làm việc:

- Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ đồng phục Văn phòng đối với các phòng ban và phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân khối sản xuất theo quy định của nhà nước.

3.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

3.2.2.1 Tuyển dụng:

- Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể và phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, phòng ban. Trong năm 2016 để tập trung vào sản xuất Công ty đã chú trọng việc tuyển dụng lao động có tay nghề đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty.

3.2.2.2 Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề:

- Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ hoặc một phần chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Riêng đối với khối sản xuất, để duy trì sự phát triển và ổn định sản

xuất Công ty vẫn thực hiện các hình thức đào tạo tại chỗ bằng cách cử đội ngũ công nhân lành nghề hướng dẫn, kèm cặp đối với những công nhân mới, tay nghề chưa thuần thục và tổ chức cử CBCNV đi học tập, nâng cao tay nghề tại các đơn vị trong cùng hệ thống Công ty và các đơn vị ban.

3.3 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

3.3.1 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

3.3.2 Bảo hiểm:

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Công ty không có đầu tư lớn trong năm 2016

4.2. Các công ty con, công ty liên kết:

4.2.1 Công ty con:

4.2.1.1 Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước:

- Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam đã góp 99,52% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước. Tính đến ngày 31/12/2016 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Việt Phước:

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	32.921.631.328	30.510.712.627	
Tài sản dài hạn	10.494.832.920	10.581.879.661	
Nợ ngắn hạn	19.067.662.270	16.681.106.754	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	22.407.000.000	22.407.000.000	
Doanh thu thuần	53.683.979.656	49.479.690.129	
Lợi nhuận sau thuế	1.855.801.528	1.918.485.534	

4.2.1.2 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An. Tính đến ngày 31/12/2016 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An:

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	6.203.710.360	3.302.770.696	
Tài sản dài hạn			
Nợ ngắn hạn	5.276.929.320	4.447.698.043	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần	7.543.582.470	0	
Lợi nhuận sau thuế	(2.285.873.969)	(2.071.708.387)	

4.2.1.3 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một. Tính đến ngày 31/12/2016 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một:

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	2.285.504.505	1.111.270.618	
Tài sản dài hạn	0		
Nợ ngắn hạn	778.384.516	168.658.444	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần	34.447.893.649	10.382.545	
Lợi nhuận sau thuế	(414.675.051)	(564.507.815)	

4.2.1.4 Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam. Tính đến ngày 31/12/2016 tình hình tài chính Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam như sau:

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	987.394.909	987.394.909	
Tài sản dài hạn			

Nợ ngắn hạn			
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	1.119.385.500	1.119.385.500	
Doanh thu thuần			
Lợi nhuận sau thuế			

4.2.2 Công ty liên doanh, liên kết:

4.2.2.1 Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 27,51% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem. Tính đến ngày 31/12/2016 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem:

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	135.595.801.973	129.791.503.907	
Tài sản dài hạn	17.530.111.841	35.897.894.123	
Nợ ngắn hạn	104.559.557.088	100.312.724.898	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	44.279.528.312	44.279.528.312	
Doanh thu thuần	373.289.947.798	347.814.268.834	
Lợi nhuận sau thuế	35.202.618.744	16.810.316.406	

4.2.2.2 Công ty Liên Doanh TPC Vina:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 15% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh TPC Vina. Tính đến ngày 31/12/2016 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh TPC Vina như sau:

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	547.707.291.945	793.652.307.387	
Tài sản dài hạn	870.127.418.927	789.534.048.664	
Nợ ngắn hạn	686.603.291.258	718.214.448.424	
Nợ dài hạn	8.184.704.803	9.037.287.155	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	662.620.000.000	662.620.000.000	
Doanh thu thuần	3.262.007.039.931	3.580.199.313.720	

Lợi nhuận sau thuế	56.841.393.481	200.387.905.661	
--------------------	----------------	-----------------	--

4.2.2.3 Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 20,69% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Đến ngày 07/04/2017, Công ty CP Nhựa Việt Nam vẫn chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty CP Nhựa Vân Đồn nên công ty cập nhật theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2016 do Công ty CP Nhựa Vân Đồn lập (chưa được kiểm toán).

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	342.251.347.911	391.385.360.560	
Tài sản dài hạn	89.892.390.672	96.095.158.943	
Nợ ngắn hạn	343.936.222.508	399.600.777.765	
Nợ dài hạn	3.197.997.389	1.405.875.772	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	81.000.000.000	81.000.000.000	
Doanh thu thuần	650.846.632.773	676.181.210.115	
Lợi nhuận sau thuế	1.261.675.030	1.464.347.280	

4.2.2.4 Công ty Cổ phần Youl Chon Vina:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 30% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Youl Chon Vina. Đến ngày 07/04/2017, Công ty CP Nhựa Việt Nam vẫn chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Youl Chon Vina nên công ty cập nhật theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2016 do Cổ phần Youl Chon Vina lập (chưa được kiểm toán).

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	179.571.108.877	166.375.104.608	
Tài sản dài hạn	106.284.094.613	90.574.589.081	
Nợ ngắn hạn	207.563.778.852	234.782.397.357	
Nợ dài hạn	63.628.779.627	5.612.893.668	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	143.670.158.063	143.670.158.063	
Doanh thu thuần	440.480.422.460	453.685.877.467	
Lợi nhuận sau thuế	(11.562.220.162)	1.891.757.654	

5. Tình hình tài chính của Công ty CP Nhựa Việt Nam

5.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	406.949.464.787	381.546.081.839	- 6.24%
Doanh thu thuần	296.873.399.014	189.352.485.489	- 36,22 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(980.045.037)	3.403.742.804	%
Lợi nhuận khác	201.418.855	(1.174.344.176)	%
Lợi nhuận trước thuế	(778.626.182)	2.229.398.628	%
Lợi nhuận sau thuế	(778.626.182)	2.229.398.628	%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.5	0.5	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.4	0.4	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.9	0.9	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	18.7	15.7	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	12.6	5.8	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.7	0.5	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0.002	0.011	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0.03	0.097	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0.002	0.006	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.003	0.018	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 19.428.913 cổ phiếu. Tất cả cổ phần đang lưu hành được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng.

6.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2016:

STT	Họ và tên	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Cổ đông Nhà nước	12.794.342	65,85	
2	Cổ đông là tổ chức	2.254.300	11,60	
3	Cổ đông cá nhân	4.380.271	22,55	
Tổng cộng		19.428.913	100,00	

7. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

8. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

9. Các chứng khoán khác:

- Hiện tại. Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thường, trái phiếu...

10. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

10.1 Tình hình sản xuất kinh doanh

10.1.1 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2014

10.1.2.1 Tình hình kinh doanh riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

- Kinh tế xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đầy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ. Bên cạnh đó, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực do tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu. Dự báo tăng trưởng năm 2014 và 2015 của hầu hết các nền kinh tế Đông Nam Á cũng được điều chỉnh giảm. Điểm nổi bật trong những tháng cuối năm là giá dầu mỏ trên thị trường thế giới

giảm sâu tác động mạnh đến kinh tế theo chiều hướng thuận lợi và khó khăn đan xen.

- Trong năm 2014, ngành nhựa nước ta vẫn đang gặp nhiều khó khăn như phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ bên ngoài, chi phí đầu vào liên tục gia tăng, sự cạnh tranh của các sản phẩm ngoại nhập về mẫu mã, chất lượng dẫn đến nhu cầu về đầu tư, cải tiến công nghệ, dây chuyền sản xuất làm cho nhu cầu vốn lại cao trong khi đó nguồn vốn của công ty lại đang thiếu hụt nghiêm trọng, ngân hàng thì siết chặt tín dụng.
- Năm 2014, Công ty CP Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết được những khó khăn và vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty trong giai đoạn kinh tế suy thoái. Những hoạt động, cũng như hạng mục đầu tư từ những năm trước vẫn không mang lại hiệu quả cao, trong khi đó công ty lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn kinh doanh. Ngành nhựa 2014 đang có xu hướng xuất khẩu thành phẩm vì tỷ giá hối đoái trong năm liên tục tăng. Tuy nhiên, các mặt hàng nhựa của công ty gần đây do thiếu sự đổi mới trong mẫu mã, tính năng nên không mang lại kim ngạch xuất khẩu cao, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của công ty trong năm 2014 chủ yếu vẫn là nguyên liệu nhựa.
- Năm 2014, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam cũng gặp phải khó khăn trong việc thu hồi công nợ để xoay vòng vốn. Giá cả nguyên liệu nhập khẩu không ổn định, giảm sâu do sự bất ổn của nền kinh tế thế giới kéo dài ảnh hưởng lớn đến công tác nhập nguyên liệu phục vụ công tác kinh doanh. Với lượng hàng hóa tồn kho, để cạnh tranh, giữ vững thị phần công ty đã phải thực hiện chính sách giảm giá hàng bán.
- Đồng thời, Công ty đang phải đối mặt với kết quả sản xuất kinh doanh giảm sút nghiêm trọng của năm 2013 chuyển sang làm cho Công ty càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh trong khi công tác thoái vốn triển khai không đạt tiến độ dự kiến.
- Năm 2014, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của việc mất cân đối tài chính, vẫn phải lấy nguồn vốn vay ngắn hạn bù đắp cho các khoản vay dài hạn nên mặc dù tiếp cận được với nguồn vốn có lãi suất giảm hơn so với năm trước như chi phí tài chính vẫn ở mức cao.

*** Kết quả kinh doanh năm 2014 Công ty Mẹ**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013	KH 2014	TH 2014	Tỷ lệ TH2014 /TH2013 (%)	Tỷ lệ TH2014 /KH2014 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	492,7	441,0	376,1	81,6	85,3
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	7,9		30,8	389,9	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	118,9		31,2	26,2	
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	30,7		22,3	72,6	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	5,7		3,5	61,4	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	42,1		14,0	33,3	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	- 158,2	- 10,5	- 10,2	-	-
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

*** Kết quả kinh doanh năm 2014 Công ty hợp nhất**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013	KH 2014	TH 2014	Tỷ lệ TH2014 /TH2013 (%)	Tỷ lệ TH2014 /KH2014 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	913,1		696,8	76,3	
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	8,6		6,8	79,1	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	83,4		33,4	40	
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	35,8		27,3	76,3	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	12,9		9,9	76,7	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	57,3		31,6	55,1	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	(96,4)		(30,5)		
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

- Trước bối cảnh khó khăn nêu trên, Công ty đã thực hiện tiết giảm tối đa chi phí nhất là chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, hoàn nhập một phần nợ khó đòi đã trích lập năm 2013 nên kế hoạch lỗ của Công ty thực hiện theo đúng tình hình thực tế đã đề ra.

10.1.2 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015

- Nguyên liệu là nút thắt của ngành Nhựa, trong khi Việt Nam vẫn chưa có ngành công nghiệp sản xuất nguyên liệu nhựa, hơn 80% nguyên liệu ngành nhựa vẫn phải nhập khẩu, trong khi đó giá nguyên liệu phụ thuộc vào giá dầu vốn đang rất thất thường và khó dự đoán. Năm 2015 là năm mà giá dầu bình quân trên thế giới giảm sâu và kéo dài nhất trong lịch sử. Giá dầu bình quân năm 2015 giảm 45% so với giá dầu năm 2014 và liên tục giảm sâu đến cuối năm 2015. Công ty CP Nhựa Việt Nam là công ty chuyên về kinh doanh nguyên liệu nhựa, chịu ảnh hưởng lớn từ giá cả nhập khẩu nguyên liệu, nên với việc giá dầu thô giảm mạnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá nhập khẩu nguyên liệu. Mặc dù giá hạt nhựa giảm nhưng biến động khó lường và các hợp đồng nguyên liệu thường được ký trước ít nhất 01 tháng nên rất khó cho công ty trong việc chủ động mua tích trữ nguyên liệu. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn gặp phải khó khăn về tài chính do ảnh hưởng của việc mất cân đối tài chính từ những năm trước nên không đủ tiềm lực tài chính để đầu cơ. Việc tăng tỷ giá USD trong năm cũng là một khó khăn cho việc nhập khẩu nguyên liệu nhựa. Vì vậy, hiệu quả từ việc kinh doanh nguyên liệu không cao.
- Đến thời điểm cuối năm 2015, số lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần nhựa Việt Nam chiếm khoảng gần 90% vốn điều lệ, mặc dù cũng đã tiếp cận được với nguồn vốn có lãi suất giảm hơn so với năm trước song chi phí tài chính vẫn ở mức cao. Công ty mới thực hiện được việc thoái vốn ở những đơn vị có vốn góp nhỏ, việc thoái vốn ở những đơn vị có ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính của Công ty và việc thu hồi công nợ lớn vẫn chưa thực hiện được. Vì thế, kết quả kinh doanh dù có khả quan hơn so với năm 2014, nhưng chủ yếu là do đóng góp từ công ty liên doanh, từ thực hiện phương án tái cơ cấu, sử dụng nguồn tiền thoái vốn, tiết giảm chi phí đầu vào như: chi phí tài chính (lãi vay), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và hoàn nhập một phần nợ khó đòi của Công ty.

- Năm 2015, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết hết được những khó khăn từ việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty. Nhiều khoản đầu tư từ những năm trước kém hiệu quả vẫn tiếp tục là gánh nặng của Công ty, các đơn vị thuê thiết bị ODA phần lớn hoạt động không hiệu quả, không đủ nguồn để trả nợ Công ty, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

*** Kết quả kinh doanh năm 2015 Công ty Mẹ**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2014	KH 2015	TH 2015	Tỷ lệ TH2015 /TH2014 (%)	Tỷ lệ TH2015 /KH2015 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	371,1	450	296,9	80	59,98
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	30,8		24,9	80,8	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	31,2		26,3	84,3	
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	22,3		18,7	83,9	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	3,5		2,8	80	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	14,0		8,2	58,6	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	-10,2		-0,8		
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

*** Kết quả kinh doanh năm 2015 Công ty hợp nhất**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2014	KH 2015	TH 2015	Tỷ lệ TH2015 /TH2014 (%)	Tỷ lệ TH2015 /KH2015 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	696,8		447,8	64,3	
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	6,8		23,6	347	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	33,4		23,3	69,8	

<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	27,3		21,7	79,5	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	9,9		6,5	65,7	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	31,6		18,9	59,8	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	(30,5)		20,7		
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

10.1.3 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016

10.1.3.1 Kết quả kinh doanh Công ty CP Nhựa Việt Nam

* Kết quả kinh doanh năm 2016 Công ty Mẹ

Nội dung	ĐVT	TH năm 2015	KH 2016	TH 2016	Tỷ lệ TH2016 /TH2015 (%)	Tỷ lệ TH2016 /KH2016 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	296,9	300,0	189,3	63,8	63,1
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	28		18,9	67,5	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	28,7		15,9	55,4	
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	18,7		13,5	72,2	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	2,8		4,0	142,9	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	9,0		(3,6)		
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	(0,8)	2,0	2,2		110,0
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

- Doanh thu thực hiện giảm 36,2% so với thực hiện năm trước và chỉ đạt 63,1% so với nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 do:

+ Công ty gặp khó khăn về nguồn vốn kinh doanh, không đủ khả năng để đầu cơ nguyên liệu khi giá nguyên liệu xuống.

+ Do biến động giá nguyên liệu nhựa không theo quy luật thường niên trước đây nên để hạn chế hàng tồn kho, giảm thiểu việc ứ đọng vốn Công ty phải cân nhắc để có kế hoạch nhập nguyên liệu phù hợp.

+ Công ty chú trọng vào việc thu hồi công nợ dưới các hình thức khác nhau nên sản lượng kinh doanh giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng các khoản đầu tư tài sản dài hạn của Công ty là 151,13 tỷ, trong khi đó, vốn chủ sở hữu là 22,86 tỷ. Như vậy, nguồn vốn để phục vụ cho các khoản đầu tư dài hạn bị thiếu hụt nên công ty vẫn tiếp tục phải sử dụng nợ ngắn hạn để đầu tư dài hạn. Nhiều khoản đầu tư từ những năm trước kém hiệu quả vẫn tiếp tục là gánh nặng của Công ty, các đơn vị thuê thiết bị ODA phần lớn hoạt động không hiệu quả, không đủ nguồn để trả nợ Công ty, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Theo quy định hiện hành, Công ty đã phải thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính của một số đơn vị theo chế độ do các đơn vị này có hoạt động kinh doanh lỗ. Vì vậy, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết được những khó khăn từ việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty.

- Công ty đã sử dụng vốn để đầu tư dài hạn, hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay. Trong năm, chi phí lãi vay giảm 27,62% do nhận tiền đợt 1 bán tài sản (Tòa nhà 39A Ngô Quyền) để trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp, giảm áp lực về lãi vay.

- Lãi suất vay ngắn hạn bình quân Công ty phải trả là 7,5%/năm trong khi cổ tức bình quân thu được từ các đơn vị tính trên vốn đầu tư khoảng 6,7%. Vì vậy, việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư dài hạn từ trước đây là không hiệu quả do một số đơn vị kinh doanh không hiệu quả nên không chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tuy nhiên, có đơn vị liên doanh như Công ty Liên doanh Việt Thái, Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina là những đơn vị đầu tư có hiệu quả và phát triển vững chắc, các năm trở lại đây đều có chia cổ tức.

- Công ty cũng đã tiết giảm chi phí các loại, tinh giảm bộ máy: giảm 6,4% chi phí quản lý so với năm 2015, giảm chi phí bán hàng....

- Nợ phải thu ngắn hạn là 68,89 tỷ, trong đó nợ phải thu khách hàng là 71,50 tỷ, khách hàng chiếm dụng vốn lớn nhất là Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn (là công ty liên kết của Công ty) với dư nợ là 40,626 tỷ, Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long dư nợ là

7,166 tỷ. Vì vậy, Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã khởi kiện ra Tòa án đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn và thuê dịch vụ đòi nợ một số khoản nợ khó đòi khác. Do đẩy mạnh thu hồi công nợ, Công ty đã hoàn nhập được một phần dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

*** Kết quả kinh doanh năm 2016 Công ty hợp nhất**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2015	TH năm 2016	Tỷ lệ TH2016 /TH2015 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	447,8	236,0	52,7
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	23,6	9,0	38,1
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	23,3	15,8	67,8
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	<i>21,7</i>	<i>14,3</i>	<i>65,9</i>
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	6,5	5,6	86,2
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	18,9	0,7	3,7
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	20,7	29,1	140,6
Cổ tức	Đồng/CP			

10.1.3.2 Kết quả hoạt động của các công ty con

➤ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước:

- Doanh thu thực hiện 49,48 tỷ đồng, giảm 8,69% so với năm trước
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2,13 tỷ đồng, tăng 33,54% so với năm trước

Năm 2016 thực sự là một năm rất khó khăn bởi việc giành giật thị trường rất khốc liệt. Đơn vị chủ trương đặt chỉ tiêu lợi nhuận lên trên hết, điều chỉnh giá bán cho khách hàng thanh toán ngay để nhanh chóng thu hồi vốn.

➤ Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa Việt Nam

Không phát sinh, do đang thực hiện quyết toán thuế.

- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An:
 - Doanh thu thực hiện 0,1 tỷ đồng, giảm 98,7% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế - 2,07 tỷ đồng, lỗ ít hơn so với năm trước 9,6%

- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa số 1
 - Doanh thu thực hiện 10,38 tỷ đồng, giảm 70,0% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: - 0,56 tỷ đồng, lỗ nhiều hơn 26,5% so với năm trước

Đối với hoạt động của các công ty thương mại do không có hiệu quả từ năm trước, Công ty đã có giải pháp cho ngừng kinh doanh, cắt giảm nhân sự và tập trung thu hồi công nợ. Vì vậy, các đơn vị này ty còn lỗ do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

10.1.3.3 Kết quả hoạt động của các Công ty liên doanh, liên kết:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam do vốn góp của công ty vào các công ty liên doanh, liên kết chiếm trên 80% vốn điều lệ của công ty.

- Công ty Cổ phần TNHH liên doanh Việt Thái Plastchem
 - Doanh thu thực hiện 347,8 tỷ đồng, giảm 7,6% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: 21,7 tỷ đồng, giảm 52,2% với năm trước.
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC vina
 - Doanh thu thực hiện 3.580,2 tỷ đồng, tăng 9,75% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: 231,7 tỷ đồng, tăng 352,5% so với năm trước
- Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina
 - Doanh thu thực hiện 454,9 tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế: 1,89 tỷ đồng (Năm trước lỗ 11,56 tỷ đồng)
- Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn
 - Doanh thu thực hiện 676,2 tỷ đồng, tăng 1% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: 1,83 tỷ đồng, giảm 75,3% so với năm trước

10.1.4 Hoạt động đầu tư

Do tình hình vay vốn gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn; chi phí đầu tư tăng đặc biệt là chi phí đầu tư xây dựng cơ bản; sức tiêu dùng trong nước thu hẹp đã tác động mạnh đến việc triển khai các dự án của Công ty. Vì vậy, trong năm, Công ty không triển khai dự án đầu tư mới. Chỉ có các dự án đã triển khai trước và đang thực hiện:

- Dự án sản xuất két bia: Được đặt tại Củ Chi, hiện đang sản xuất ổn định khoảng 300.000 két/năm, góp phần ghi nhận trong doanh thu sản xuất của công ty và giải quyết việc làm cho người lao động.
- Dự án khuôn mẫu và trục in bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc: Dự án được phê duyệt ban đầu với các sản phẩm khác xa so với sản phẩm thực tế. Áp lực trả nợ của Vinaplast đối với Ngân hàng Phát triển cho khoản vay vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc để mua máy móc thiết bị là rất lớn và căng thẳng do không cân đối được nguồn thu từ việc khai thác thiết bị kém hiệu quả. Các đơn vị thuê máy của Nhựa Việt Nam khai thác với hiệu suất thấp, sản phẩm khó cạnh tranh do phải sản xuất sản phẩm với tỷ lệ nguyên liệu chính phẩm cao, máy móc thiết bị phải sửa chữa nhiều và tiêu hao rất nhiều điện năng. Đồng thời do ảnh hưởng của tỷ giá từ lúc ký nhận thiết bị là 2.050 đ/CNY đến nay 3.450 đ/CNY nên việc tiếp nhận thiết bị này thực sự là một gánh nặng đối với công ty và các Công ty thuê lại thiết bị. Thực tế nguồn thu từ việc cho thuê máy móc thiết bị ODA không đủ bù đắp chi phí khấu hao, lãi vay ODA và chênh lệch tỷ giá .

10.1.5 Hoạt động tài chính, thoái vốn

- Việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn và Công ty Cổ phần Nhựa YoulChon chưa thực hiện được do có đối tác quan tâm vào đúng thời điểm chuyển giao chủ sở hữu nên chưa nhận được quyết định của chủ sở hữu.

- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn: là công ty chưa niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán. Đây là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, số vốn góp của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại đơn vị cũng không đủ để chi phối, hay biểu quyết đa số tại các cuộc họp của HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn (phần vốn góp của Vinaplast là 16.760.800.000 đồng (tương ứng 20,69% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn)). Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn cũng là đơn vị

có số nợ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam lớn nhất và khó đòi nhất hiện nay. Tính đến hết ngày 31/12/2016, tổng số nợ của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn là 40,6 tỷ (chiếm 57,7% tổng số công nợ phải thu của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam). Hiện nay, Công ty đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn ra Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết số công nợ nói trên.

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước: là Công ty con của Công ty cổ phần nhựa Việt Nam, Công ty CP Nhựa Việt Nam sở hữu 2.229.849 cổ phần, chiếm 99,52 %. Được thành lập từ năm 2008, bắt đầu có lãi và chia cổ từ năm 2012, với tỷ lệ chia cổ tức từ 5% - 6%, bằng với lãi tiết kiệm ngân hàng, thấp hơn mức lãi suất vay Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam phải trả. Do vốn hoạt động phần lớn là máy móc ODA và có hợp đồng thuê máy ODA với công ty mẹ nên lợi nhuận của đơn vị bị ảnh hưởng rất nhiều và không tìm được đối tác chuyển nhượng.
- Công ty Cổ phần Nhựa và Hóa chất TPC Vina: Đây là đơn vị liên doanh, Công ty CP Nhựa Việt Nam sở hữu 5.250.000 USD góp vốn chiếm tỷ lệ 15%. Hàng năm, Công ty này chia cổ tức thấp hơn lãi vay ngân hàng và không ổn định (năm có năm không). Năm 2016 là năm đánh dấu kết quả kinh doanh của TPC cao nhất từ trước đến nay (gấp 3,52 lần so với năm 2015). Tuy nhiên, việc thoái vốn chưa thực hiện được do chưa được sự đồng thuận của toàn bộ đối tác phía Việt Nam.
- Khoản đầu tư dài hạn khác vào dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên trị giá 21 tỷ (29%): Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã tìm được đối tác chuyển nhượng, ký kết Hợp đồng mua bán. Hiện nay đối tác mua đã hình thành pháp nhân mới để thực hiện việc chuyển nhượng nhưng chưa hoàn tất. Vì vậy, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chưa hoàn tất việc thoái vốn dự án này.

10.1.6 Công tác nghiên cứu - đào tạo:

Tiếp tục thực hiện các đề tài đã được duyệt với mục tiêu đảm bảo chi lương một phần cho lao động của Trung tâm và làm tiền đề cho việc triển khai phát triển ngành nhựa:

- Đề tài: “Nghiên cứu quy trình tái chế nhựa PET để sản xuất dây đai đóng kiện phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam ”

- Đề tài: “Nghiên cứu sản xuất tấm nhựa Polycarbonat chống lão hóa và chống tia cực tím trong điều kiện khí hậu Việt Nam ”

10.1.7 Công tác tổ chức, bộ máy

- Dừng hoạt động các công ty con mà Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nắm quyền chi phối nhưng có kết quả kinh doanh kém hiệu quả, cắt giảm nhân sự, tập trung thu hồi công nợ, phân công các cán bộ kiêm nhiệm thực hiện báo cáo theo quy định: Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa số 1 và Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An.

- Cắt giảm nhân sự, chuẩn bị cho việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội.

- Sắp xếp lại các phòng ban, nhân sự, tinh giảm bộ máy.

- Trả lại nhà, đất thuê của Xí nghiệp Quản lý và Phát triển Nhà Hai Bà Trưng tại 18C Phạm Đình Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

10.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và những năm tiếp theo

10.2.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Năm 2017, Công ty dự kiến sẽ bàn giao nhà 39A Ngô Quyền cho đối tác và thu phần còn lại của giá trị chuyển nhượng. Kế hoạch tổng lợi nhuận năm 2017:

Khoản mục	ĐVT	Số tiền
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	272,36
Chi phí	Tỷ đồng	237,60
Lãi vay	Tỷ đồng	11,00
Tổng LN TT	Tỷ đồng	23,77
Thuế TNDN	Tỷ đồng	16,95
Tổng LN ST	Tỷ đồng	6,81

Năm 2017, mặc dù thực hiện được việc chuyển nhượng Tòa nhà 39A Ngô Quyền nhưng lợi nhuận đạt được không cao do Công ty vẫn tiếp tục phải giải quyết việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng từ những năm trước, nhất là gánh nặng từ khoản vay nguồn vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc. Cụ thể như sau:

- + Dự kiến trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi ODA : 57,39 tỷ đồng
- + Dự kiến chênh lệch tỷ giá khoản vay ODA : 5,81 tỷ đồng
- + Khấu hao máy móc thiết bị ODA : 8,40 tỷ đồng
- + Chi phí lãi vay ODA : 4,18 tỷ đồng

• **Kế hoạch những năm tiếp theo**

Từ gánh nặng do đầu tư mua sắm máy móc thiết bị bằng nguồn vốn ODA Trung Quốc từ những năm trước nên Công ty vẫn tiếp tục lỗ do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, chênh lệch tỷ giá, việc đầu tư không có hiệu quả, các đơn vị thuê không có doanh thu từ việc thuê thiết bị mang lại nên không có khả năng để trả nợ.

Từ những năm tiếp theo, Công ty vẫn phải chịu hậu quả từ việc đầu tư này do phải xuất hóa đơn tiền cho thuê máy móc thiết bị ODA nhưng không thu được của các đơn vị thuê máy. Số tiền thuê máy móc thiết bị ODA đến hết năm 2020 như sau:

Năm	Xuất HĐ	
	CNY	VND
Năm 2017	3.994.141	13.369.883.595
Năm 2018	3.916.731	13.127.450.790
Năm 2019	1.840.566	6.160.939.358
Năm 2020	1.834.988	6.150.763.396

Hầu hết các đơn vị đều đề xuất trả lại thiết bị:

+ Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang: đã thanh lý Hợp đồng, đã vận chuyển một phần nhỏ thiết bị di dời về nhà xưởng của Công ty. Dự kiến khi nhà xưởng hoàn tất sẽ di chuyển phần còn lại do HĐQT đã nhất trí việc di dời thiết bị.

+ Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long (đề xuất trả lại phần khuôn mẫu) và Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (đề xuất trả lại hết). Các đơn vị này đã nhiều lần có văn bản đề nghị trả lại thiết bị và hiện đang không trả tiền thuê máy móc thiết bị này.

+ Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn: năng suất khai thác thiết bị thấp, nhiều thiết bị không hoạt động nên không có nguồn thu để trả nợ.

+ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước: hiệu quả kinh doanh thấp do phải chi trả tiền thuê thiết bị ODA.

Vì vậy, dự kiến kế hoạch của năm tiếp theo, Công ty vẫn bị lỗ một khoản do phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi ODA dự kiến là 10,30 tỷ đồng (Chưa kể đến việc ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ODA trong trường hợp tỷ giá tăng).

10.2.2 Nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành kế hoạch

- Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện và sản xuất kết nhựa. Đẩy mạnh công tác dự báo, nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, trong đó cân đối với nguồn vốn để thu được lợi nhuận cao nhất.

- Thực hiện một số dự án đầu tư mới sản phẩm có thể sản xuất, tiêu thụ trong nước để thay thế hàng nhập khẩu hoặc các sản phẩm kỹ thuật cao, tận dụng được nguồn phế liệu để sử dụng lại như một nguồn nguyên liệu nhựa trong sản xuất sản phẩm nhựa với suất đầu tư nhỏ, có hiệu quả trên cơ sở cân đối được các nguồn vốn, nhu cầu thị trường và tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có.

- Trình xin ý kiến Bộ Tài chính tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đối với những tồn tại trước đây ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp như xin xử lý rủi ro đối với khoản nợ ODA của Chính phủ Trung Quốc do sử dụng không có hiệu quả khoản vay này; xử lý chênh lệch tỷ giá; giảm khấu hao ODA,...

+ Triển khai các giải pháp đẩy mạnh công tác thu đòi công nợ

+ Trình xin ý kiến các cấp có thẩm quyền thoái vốn tại một số đơn vị như Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina, Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn với mục tiêu:

- Giảm bớt tình trạng mất cân đối về tài chính
- Thu hồi vốn
- Giảm dư nợ
- Giảm chi phí lãi vay
- Giảm dự phòng đầu tư tài chính
- Để Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn.

- Quản lý chặt chẽ công tác bán hàng - thu hồi nợ; Thực hiện chính sách tiết kiệm các loại chi phí, nhất là chi phí quản lý, chi phí bán hàng.

- Tiếp tục rà soát sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, hiệu quả; đào tạo cũng như tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, phân xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thực hiện tốt, đầy đủ chức năng công bố thông tin để thông tin của doanh nghiệp kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư.

10.3 Dự án đầu tư dự kiến

- Đầu tư xây dựng Nhà máy tái chế phế liệu: Qua tìm hiểu thị trường sản phẩm này, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nhận thấy việc đầu tư dự án là cần thiết với các lý do:
 - Xuất phát từ nhu cầu xử lý phế liệu nhựa thu hồi từ công nghiệp và tiêu dùng của dân cư, đồng thời tận dụng được nguồn phế liệu để sử dụng lại như một nguồn nguyên liệu nhựa trong sản xuất sản phẩm nhựa.
 - Đây là dự án kỹ thuật cao, liên quan đến tái chế phế liệu
 - Thiết bị sử dụng hoàn toàn mới theo công nghệ của Mỹ
 - Được Ngân hàng thu xếp về vốn để thực hiện Dự án
 - Tận dụng Nhà xưởng và cơ sở hạ tầng đã có sẵn ở phía Nam
 - Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động
- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chuỗi cách điện: Đây là một trong hai chương trình công nghệ cao của Chính phủ, sản xuất ra sản phẩm chuỗi cách điện polymer với lớp phủ caosu silicol, thay thế nhu cầu trong nước hiện nay vẫn phải nhập khẩu, tạo thế chủ động trong sản xuất sản phẩm mới của ngành. Dự án với số vốn đầu tư khoảng 70 tỷ, được Ngân sách tài trợ khoảng 30%.
- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất túi sinh học: Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ sản xuất nhựa sinh học là không dẫn xuất từ dầu mỏ mà từ các nguyên liệu sinh học nên kết hợp với các nguyên liệu như tinh bột, giấy, đường... tạo ra nguyên liệu và sản phẩm nhựa phân hủy 100%. Dây chuyền công nghệ sản xuất nhựa dễ phân hủy sinh học để thay thế truyền thống giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Vinaplast đã hoàn thành công tác nghiên cứu về nhựa sinh học trong hai năm 2011, 2012 và đang tiến hành nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm.

➤ Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất màng BOPET: Qua thời gian góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhựa YoulChon vina để sản xuất màng nhựa BOPP, được tham gia trực tiếp quản lý và qua tìm hiểu nhu cầu thị trường tiêu thụ màng này, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nhận thấy việc đầu tư dự án là cần thiết với các lý do:

- Nhu cầu tiêu thụ bao bì này hiện nay mới chỉ đáp ứng được khoảng 70%, trong đó tập trung chủ yếu ở Miền Nam, trong khi nhà máy sản xuất ở phía Bắc chưa có.
- Tận dụng Nhà xưởng và cơ sở hạ tầng đã có sẵn
- Đã có kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành sản xuất.
- Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động
- Đã làm việc với các công ty có nhu cầu sử dụng bao bì

11. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

11.1 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2014

Nội dung	ĐVT	TH năm	NQ	TH	Tỷ lệ	Tỷ lệ
		2013	ĐHCĐ năm 2014	2014	TH2014 /TH2013 (%)	TH2014 /NQ (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	492,7	441,0	376,1	76,3	85,3
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	- 158,2	- 10,5	- 10,2	-	-

*** Nguyên nhân chính làm cho doanh thu không đạt kế hoạch và lợi nhuận của Công ty lỗ:**

- Doanh thu thực hiện giảm 18,4% so với thực hiện năm trước và chỉ đạt 85,3% so với nghị quyết đề ra do Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam không còn là đại lý độc quyền cung cấp màng BOPP của YCC đến hết tháng 4/2014 nên sản lượng và lợi nhuận kinh doanh màng BOPP sụt giảm.
- Giá nguyên liệu nhựa diễn biến phức tạp khó dự đoán để có kế hoạch nhập bán phù hợp, nhất là thời điểm giảm sâu vào những tháng cuối năm. Hơn nữa, cạnh tranh

giữa các doanh nghiệp cùng ngành hết sức gay gắt, có lúc phải thực hiện giảm giá hàng bán để giải quyết hàng tồn kho giá cao.

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của việc mất cân đối tài chính, vẫn phải lấy nguồn vốn vay ngắn hạn bù đắp cho các khoản vay dài hạn nên mặc dù tiếp cận được với nguồn vốn có lãi suất giảm hơn so với năm trước như chi phí tài chính vẫn ở mức cao.
- Công ty đang phải đối mặt với kết quả sản xuất kinh doanh giảm sút nghiêm trọng của năm 2013 chuyển sang làm cho Công ty càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh trong khi công tác thoái vốn, thu hồi công nợ triển khai không đạt tiến độ dự kiến.
- Việc khai thác bất động sản chưa đạt hiệu quả cao nhất do ảnh hưởng của tình hình thị trường, công ty phải thực hiện giảm giá để thu hút khách thuê.

11.2 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2015

Nội dung	ĐVT	TH năm 2014	NQ ĐHCĐ năm 2015	TH 2015	Tỷ lệ TH2015 /TH2015 (%)	Tỷ lệ TH2015 /NQ (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	371,1	450	269,9	80	60
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	-10,2	-1,1	-0,8		

*** Nguyên nhân chính làm cho doanh thu không đạt kế hoạch và lợi nhuận của Công ty lỗ:**

- Doanh thu thực hiện giảm 20% so với thực hiện năm trước và chỉ đạt 60% so với nghị quyết đề ra do có sụt giảm đáng kể về sản lượng. Do giá nguyên liệu nhựa diễn biến phức tạp khó dự đoán để có kế hoạch nhập nguyên liệu nhựa thích hợp cùng với những khó khăn về nguồn vốn kinh doanh nên Công ty không đủ khả năng để tích trữ nguyên liệu phục vụ cho yếu tố đầu cơ.
- Năm 2015, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết được những khó khăn từ việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt

động của công ty. Mặc dù mặt bằng lãi suất năm 2015 có giảm nhưng chi phí lãi vay vẫn ở mức cao.

- Nhiều khoản đầu tư từ những năm trước kém hiệu quả vẫn tiếp tục là gánh nặng của Công ty, các đơn vị thuê thiết bị ODA phần lớn hoạt động không hiệu quả, không đủ nguồn để trả nợ Công ty, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- Năm 2015, Công ty đã thực hiện tiết giảm đáng kể chi phí bán hàng, chi phí quản lý.
- Vì vậy, tuy không đạt kế hoạch về doanh thu nhưng chỉ tiêu lợi nhuận của công ty cũng đã được cải thiện đáng kể, tạo tiền đề cho các năm tiếp theo.

11.3 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2016

Năm 2016 là năm mà giá dầu bình quân trên thế giới tăng cao, tăng nhiều so với giá dầu năm 2015 và liên tục tăng đến cuối năm 2016.

Công ty Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam kinh doanh với mặt hàng kinh doanh chủ yếu là nguyên liệu nhựa, phải chịu ảnh hưởng lớn từ giá cả nhập khẩu nguyên liệu. Vì vậy, với việc tăng mạnh của giá dầu thô, cùng với sự bất ổn của nền kinh tế thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá nhập khẩu nguyên liệu. Giá nguyên liệu nhựa không ổn định và biến động bất thường so với những năm trước. Với lượng hàng tồn kho, để cạnh tranh và giữ vững thị phần cũng như giảm thiểu chi phí lãi vay, công ty phải thực hiện điều chỉnh giá hàng bán và chính điều đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty.

Nội dung	ĐVT	TH năm 2015	NQ DHĐCĐ năm 2016	TH 2016	Tỷ lệ TH2016/TH2015(%)	Tỷ lệ TH2016/NQ(%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	296,9	300,0	189,3	63,8	63,1
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	(0,8)	2,0	2,2		110,0
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

Theo đó,

- Doanh thu thực hiện giảm 36,2% so với thực hiện năm trước và chỉ đạt 63,1% so với nghị quyết đề ra. Do khó khăn về nguồn vốn kinh doanh không đủ khả năng để tích trữ nguyên liệu, cùng ảnh hưởng của việc biến động giá nguyên liệu nhựa nên Công ty phải cân nhắc để có kế hoạch nhập nguyên liệu phù hợp, hạn chế hàng tồn kho. Vì vậy, Công ty chú trọng vào việc thu hồi công nợ dưới các hình thức khác nhau nên sản lượng kinh doanh giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Đổi lại, với việc thu hồi được vốn, Công ty đã hoàn nhập được một phần dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

- Trong năm, Công ty đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng tài sản là Tòa nhà 39A Ngô Quyền. Công ty đã sử dụng số tiền nhận được đợt 1 để trả nợ ngân hàng nhằm giảm bớt gánh nặng về chi phí lãi vay.

Vì vậy, tuy không đạt kế hoạch về doanh thu nhưng bước đầu công ty đã có lợi nhuận. Lợi nhuận đạt được tuy rất khiêm tốn nhưng cũng đã đánh dấu được việc ngăn chặn lỗ phát sinh và ghi nhận lợi nhuận dương trong 3 năm trở lại đây.

11.4 Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Trong năm, Ban điều hành Công ty có sự thay đổi:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc
01	Ông Lê Hoàng	Chủ tịch HĐQT	05/07/2013	30/06/2016
02	Ông Phan Trung Nam	TV HĐQT	01/07/2016	

Theo Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 27/6/2016, Ông Lê Hoàng và Ông Phan Trung Nam đều là đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng có sự phân nhiệm rõ ràng, cụ thể.

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Ban Tổng giám đốc đã thể hiện được vai trò chỉ huy, hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật và phối hợp tốt với Chủ tịch HĐQT theo quy chế hoạt động, thực hiện đúng quyền hạn theo Điều lệ Công ty và theo ủy quyền của HĐQT.

- Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đúng chế độ và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc duy trì đều đặn chế độ giao ban định kỳ 02 lần/tháng với đội ngũ cán bộ quản lý để đánh giá, đôn đốc, tiến độ thực hiện nghị quyết HĐQT. Ban Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt và tập trung triển khai các giải pháp về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cũng như các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho đơn vị theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

- Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo gắn thu nhập của người lao động với kết quả kinh doanh của công ty, bước đầu cải cách được việc làm và tiền lương, đảm bảo đời sống người lao động, nâng cao ý thức, kỷ luật lao động.

Tuy nhiên, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như sau:

- Công tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm chưa triển khai được nên chưa có sản phẩm mới trong năm 2016.

- Ban Tổng Giám đốc cần đẩy mạnh công tác thoái vốn, thu hồi công nợ và tìm kiếm nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

12. Quản trị công ty.

12.1 Hội đồng quản trị

12.1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Đến ngày 31/12/2016)

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lê Hoàng	Chủ tịch	4.350.076	23,39%
2	Phan Trung Nam	Thành viên	4.222.133	21,73%
3	Vũ Thị Minh Thục	Thành viên	4.227.533	21,76%
4	Đỗ Văn Hiếu	Thành viên	0	0,00%
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	0	0,00%
6	Trần Thị Oánh	Thành viên	0	0,00%

12.1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban

12.1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản 13 phiên. Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- Các phiên họp HĐQT đều mời Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời Ban Lãnh đạo Công ty, trưởng các đơn vị, phòng ban trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.
- Căn cứ và kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành các nghị quyết và quyết định quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty, cụ thể:

Số CV	Ký hiệu	Ngày	Nội dung
01	05/NQ-NVN-HĐQT	04/3/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc Tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn
02	09/NQ-NVN-HĐQT	09/3/2016	Nghị quyết họp HĐQT về: - Công tác chuẩn bị nhân sự cho ĐHĐCĐ 2016 - Phân công chuẩn bị họp ĐHĐCĐ 2016 - Xem xét việc sửa đổi điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước
03	10/QĐ-NVN-HĐQT	23/3/2016	Quyết định của HĐQT phê duyệt giá chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất 39A Ngô Quyền cho Công ty TNHH Tài Tâm
04	13/NQ-NVN-HĐQT	13/5/2016	Nghị quyết họp HĐQT về việc thoái vốn tại dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho CBCNV” tại 360 Giải Phóng
05	14/NQ-NVN-HĐQT	13/5/2016	Quyết định HĐQT về việc thoái vốn tại dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho CBCNV” tại 360 Giải Phóng
06	16/NQ-NVN-HĐQT	17/5/2016	Nghị quyết về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
07	19/NQ-NVN-HĐQT	27/5/2016	Nghị quyết họp HĐQT về vay vốn của Cty CPNVN tại Ngân hàng Nông nghiệp - Chi nhánh Chợ Lớn
08	27/NQ-NVN-HĐQT	27/6/2016	Nghị quyết họp HĐQT về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

09	28/QĐ-NVN-HĐQT	27/6/2016	Quyết định miễn nhiệm Tổng Giám đốc
10	29/QĐ-NVN-HĐQT	27/6/2016	Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc
11	30/QĐ-NVN-HĐQT	27/6/2016	Quyết định miễn nhiệm Kế toán trưởng
12	32/QĐ-NVN-HĐQT	27/6/2016	Quyết định giao nhiệm vụ Thư ký Công ty
13	35/NQ-NVN-HĐQT	19/7/2016	Quyết định của HĐQT về việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Phòng Giao dịch Chợ Lớn - Chi nhánh Trần Hưng Đạo
14	39/QĐ-NVN-HĐQT	27/7/2016	Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016
15	40/QĐ-NVN-HĐQT	27/7/2016	Phê duyệt tiền lương, thu nhập và các chế độ lao động khác của Tổng Giám đốc
16	44/QĐ-NVN-HĐQT	28/7/2016	Quyết định thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý cổ phần của Công ty CP Nhựa VN tại Công ty CP Nhựa YCC Vina - Ông Phan Trung Nam
17	47/QĐ-NVN-HĐQT	30/9/2016	Phê duyệt di chuyển dây chuyền dệt bao PP; khởi kiện Nhựa Vân Đồn và sửa đổi Điều lệ Công ty CP Nhựa Việt Phước.
18	50/QĐ-NVN-HĐQT	23/11/2016	Quyết định thôi làm người đại diện theo ủy quyền để quản lý cổ phần của Cty CP Nhựa VN tại Cty CP Nhựa Việt Phước - Ông Lê Hoàng
19	51/QĐ-NVN-HĐQT	23/11/2016	Quyết định thay đổi làm người đại diện theo ủy quyền để quản lý cổ phần của Cty CP Nhựa VN tại Cty CP Nhựa Việt Phước - Bà Trần Thị Phụng
20	55/NQ-NVN-HĐQT	14/12/2016	Trả lại nhà, đất tại 18C Phạm Đình Hồ, phê duyệt chủ trương xây dựng nhà xưởng của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Bình Dương

12.1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp HĐQT trong năm.

12.2 Ban Kiểm soát

12.2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Cao Minh Tâm	Trưởng Ban		0%

2	Nguyễn Văn Thơm	Thành viên		0%
3	Lê Thị Kim Phượng	Thành viên		0%

12.2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách giám sát và có ý kiến đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của Công ty.
 - Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật của Hội Đồng quản trị và Ban Điều hành công ty.
 - Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm tra hoạt động báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
 - Phối hợp với phòng Tài Chính Kế toán tham gia công tác kiểm kê định kỳ vào cuối thời điểm báo cáo.
 - Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính, kinh doanh năm 2015.
 - Được sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của Hội Đồng Quản trị và các phòng ban chức năng trong Công ty cho Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm soát trong năm.

13. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

13.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Năm 2016, số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 307.200.000 đồng bằng 100% tổng thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 ngày 27/6/2016. cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	220.800.000
2	Ban kiểm soát	86.400.000

- Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác tại Công ty ngoài tiền lương, thưởng theo quy chế tiền lương, thưởng của Công ty đã được duyệt theo quy định.

13.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2016

13.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

- Trong năm 2016, không có hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ.

13.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

14. Báo cáo tài chính hợp nhất:**14.1 Ý kiến kiểm toán**

Số: 165 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận các khoản Nợ phải thu, tuy nhiên Công ty chưa thu thập được đầy đủ Biên bản đối chiếu Nợ phải thu của một số đối tượng với giá trị khoảng 47,8 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận thay thế, tuy nhiên chúng tôi chưa nhận được thư phản hồi; các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi không xác định được tính hiện hữu và đầy đủ của các số dư này trên Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

14.2 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (Đính kèm báo cáo này)

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN TRUNG NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng
Bà Vũ Thị Minh Thục
Ông Phan Trung Nam
Ông Đỗ Văn Hiếu
Bà Trần Thị Oánh

Chức vụ

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Tổng Giám đốc

Ông Phan Trung Nam
Ông Lê Hoàng

Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/07/2016)
Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Lê Hoàng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Số: 166 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017 từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”)

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận các khoản Nợ phải thu, tuy nhiên Công ty chưa thu thập được đầy đủ Biên bản đối chiếu Nợ Phải thu của một số đối tượng với giá trị khoảng 47,8 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận thay thế, tuy nhiên chúng tôi chưa nhận được thư phản hồi; các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi không xác định được tính hiện hữu và đầy đủ của các số dư này trên Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty bao gồm lợi/lỗ từ hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Youl Chon Vina và Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn chưa được kiểm toán.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số 0657-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số 2369-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		186.451.571.297	207.184.991.017
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.423.766.565	8.069.890.607
1. Tiền	111	5	10.423.766.565	8.069.890.607
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	41.150.000.000	39.000.450.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		41.150.000.000	39.000.450.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.718.179.619	90.437.104.219
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	79.200.305.590	97.684.855.047
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.383.966.785	1.144.125.787
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.892.381.042	17.045.877.275
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(13.813.076.548)	(25.437.753.890)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		54.602.750	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	55.500.393.982	62.686.887.304
1. Hàng tồn kho	141		55.643.712.323	64.105.403.307
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(143.318.341)	(1.418.516.003)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.659.231.131	6.990.658.887
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	175.867.492	197.741.772
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	18	6.381.954.820	6.680.289.418
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	101.408.819	112.627.697
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.686.795.537	242.404.749.335
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.286.475.750	21.275.475.750
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		251.475.750	251.475.750
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	21.035.000.000	21.024.000.000
II. Tài sản cố định	220		62.974.671.264	73.196.410.156
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	55.945.276.350	65.935.358.554
- Nguyên giá	222		156.574.746.742	155.474.583.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.629.470.392)	(89.539.225.042)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.029.394.914	7.261.051.602
- Nguyên giá	228		11.628.490.711	11.628.490.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.599.095.797)	(4.367.439.109)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	339.771.710	173.023.577
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		339.771.710	173.023.577
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	170.733.079.518	145.096.926.745
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		170.733.079.518	145.096.926.745
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.352.797.295	2.662.913.107
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.352.797.295	2.662.913.107
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		444.138.366.834	449.589.740.352

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		375.490.517.747	406.593.090.056
I. Nợ ngắn hạn	310		317.493.498.762	327.539.561.880
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	85.049.283.251	72.130.642.176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	58.250.100.877	2.083.557.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	10.275.622.782	10.512.540.126
4. Phải trả người lao động	314		983.237.186	1.200.691.687
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.103.173.082	14.718.045.308
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		91.968.115	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	21.776.555.664	24.728.614.764
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	122.723.339.655	201.789.526.691
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		240.218.150	375.943.153
II. Nợ dài hạn	330		57.997.018.985	79.053.528.176
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	57.997.018.985	79.053.528.176
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.647.849.087	42.996.650.296
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	68.646.220.188	42.517.661.496
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		199.031.463	199.031.463
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(125.960.158.364)	(152.088.413.497)
- <i>LNST/(LST) chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(152.088.413.497)	(172.868.643.957)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		26.128.255.133	20.780.230.460
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		118.217.089	117.913.530
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.628.899	478.988.800
1. Nguồn kinh phí	431		1.628.899	478.988.800
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		444.138.366.834	449.589.740.352



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		236.034.416.843	448.362.125.776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		863.636	576.178.109
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	236.033.553.207	447.785.947.667
4. Giá vốn hàng bán	11	27	228.624.657.534	418.194.944.570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.408.895.673	29.591.003.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	8.987.027.811	23.562.610.294
7. Chi phí tài chính	22	29	15.773.020.871	23.328.288.314
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.280.754.001	21.710.624.226
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		35.543.914.023	14.997.000.202
9. Chi phí bán hàng	25	30	5.598.281.356	6.534.281.601
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	671.251.485	18.889.799.160
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		29.897.283.795	19.398.244.518
12. Thu nhập khác	31		453.962.473	1.554.205.639
13. Chi phí khác	32		1.245.090.566	262.530.347
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(791.128.093)	1.291.675.292
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.106.155.702	20.689.919.810
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		213.165.059	478.622.750
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.892.990.643	20.211.297.060
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		28.883.700.026	20.202.310.001
18.2. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		9.290.617	8.987.059
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.487	1.040



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	330.796.313.283	386.245.579.461
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(207.938.569.512)	(354.204.973.576)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.310.363.231)	(12.176.240.406)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(10.265.559.968)	(15.399.492.161)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(239.540.641)	(171.059.188)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.518.277.221	9.883.976.965
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.290.027.434)	(47.017.001.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.270.529.718	(32.839.210.667)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.154.273.146)	(1.932.771.261)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	720.136.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.824.672.319)	(17.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	21.098.524.250
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	37.081.778.824
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.633.342.155	13.663.033.418
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.654.396.690	53.030.701.594
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	158.117.089.932	263.313.349.687
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(254.223.167.214)	(294.156.197.521)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.473.730.000)	(95.795.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(97.579.807.282)	(30.938.643.434)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	2.345.119.126	(10.747.152.507)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.069.890.607	18.824.115.406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.756.832	(7.072.292)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	10.423.766.565	8.069.890.607



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là doanh nghiệp được Cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04/09/2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 41003011383 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/09/2008, Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 09/07/2016 với mã số doanh nghiệp là 0300381966. Vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: Số 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ plastic.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn; Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa số 1

Các công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Số Một
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Trường An
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam

Các công ty liên kết, liên doanh bao gồm:

- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn
- Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC VINA
- Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2015, Công ty đã thoái vốn tại công ty con bao gồm: Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang và Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long, theo đó, số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm nay không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của các công ty con này.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết do Công ty đầu tư vốn;
- Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và báo cáo tài chính của 04 (bốn) Công ty con độc lập. Các giao dịch nội bộ và công nợ nội bộ giữa Công ty với các Công ty con, giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ toàn bộ trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm:

STT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	Công ty con		
1	Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	99,52%	99,52%
2	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số một	100%	100%
3	Công Ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	100%	100%
4	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	100%	100%
	Công ty liên kết, liên doanh		
1	Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	20,69%	20,69%
2	Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	30,00%	30,00%
3	Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plaschem	27,51%	50,00%
4	Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina	15,00%	33,33%

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng

Chứng từ ghi sổ bằng phần mềm trên máy vi tính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự; và theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 37
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa, cải tạo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Vốn điều lệ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá của cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

168
NG
NH
A T
A C
PH C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	428.276.105	2.222.468.232
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.995.490.460	5.847.422.375
Cộng	10.423.766.565	8.069.890.607

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc (i) VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150.000.000	-	41.150.000.000	39.000.450.000	-	39.000.450.000
Tiền gửi có kỳ hạn	41.150.000.000	-	41.150.000.000	39.000.450.000	-	39.000.450.000
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	164.954.480.594	-	170.733.079.518	164.954.480.594	-	145.096.926.745
Công ty CP Youl Chon Vina	43.008.000.000	-	43.008.000.000	43.008.000.000	-	43.008.000.000
Công ty CP Nhựa Văn Đồn	16.961.554.628	-	16.961.554.628	16.961.554.628	-	16.961.554.628
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	15.279.075.966	-	15.279.075.966	15.279.075.966	-	15.279.075.966
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC VINA	89.705.850.000	-	89.705.850.000	89.705.850.000	-	89.705.850.000
Thay đổi giá trị thuần	-	-	5.778.598.924	-	-	(19.857.553.849)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Youl Chon Vina	T. Bình Dương	30,00%	30,00%	Sản xuất sản phẩm nhựa Plastic
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Tp. Hà Nội	20,69%	20,69%	Sản xuất sản phẩm nhựa Plastic
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Tp. Hồ Chí Minh	27,51%	27,51%	Sản xuất hạt nhựa PVC
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC VINA	Tp. Hồ Chí Minh	15,00%	15,00%	Sản xuất hạt nhựa PVC

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	79.200.305.590	97.684.855.047
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	40.626.613.779	38.591.022.126
Công ty CP Nhựa Thăng Long	7.166.735.782	5.983.720.290
Công ty CP Công nghệ Cáp quang & Thiết bị Bưu điện	4.259.133.019	4.259.133.019
Công ty TNHH In và Sản xuất Bao Bì Đức Mỹ	3.123.862.465	3.128.875.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Giang Sơn	153.812.501	4.638.912.501
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Hai mươi Sáu tháng Tư	-	14.056.506.901
Chi nhánh 2 - Công ty TNHH Việt Ý	1.310.849.842	1.310.849.842
Công ty TNHH Anh Đạt	1.462.469.388	1.462.469.388
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	825.000.000	1.803.760.000
Công ty TNHH Công Nghiệp Hợp Phát	2.669.970.418	2.669.970.418
Các đối tượng khác	17.601.858.396	19.779.635.562
Trong đó:		
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	41.744.515.179	41.088.343.623
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	40.626.613.779	38.591.022.126
Công ty CP Youl Chon Vina	292.901.400	693.561.497
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	825.000.000	1.803.760.000

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.383.966.785	1.144.125.787
Suzhou Jwell Machinery Co.,Ltd	1.750.320.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Cơ khí Minh Huy	-	176.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Dịch vụ ASC	534.234.640	-
Các khách hàng khác	1.099.412.145	968.125.787
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.892.381.042	1.279.088.628	17.045.877.275	1.120.115.110
Ký cược, ký quỹ	-	-	429.311.609	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	499.932.000	-	12.637.754.812	-
Phải thu Tạm ứng của nhân viên	834.033.528	-	1.687.675.702	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	6.400.904	-	-	-
Phải thu khác	2.552.014.610	1.279.088.628	2.291.135.152	1.120.115.110
b) Dài hạn	21.035.000.000	-	21.024.000.000	-
- Phải thu về góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Nhựa Thăng Long	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	35.000.000	-	24.000.000	-
Cộng	24.927.381.042	1.279.088.628	38.069.877.275	1.120.115.110
Trong đó:				
c) Phải thu khác là bên liên quan	499.932.000	-	12.637.754.812	-
Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem	-	-	12.637.754.812	-
Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn	499.932.000	-	-	-

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
CN 2 - Công ty TNHH Việt Ý	1.310.849.842	393.254.952	1.310.849.842	655.424.921
Công ty TNHH TM Mai Khang Hưng	737.450.240	368.725.120	1.067.450.240	747.215.168
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	7.248.859.337	3.986.565.878	38.591.022.126	21.223.544.513
Công ty TNHH Hợp Phát	2.669.970.418	-	2.669.970.418	-
Công ty CP Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu Điện	4.259.133.019	1.277.739.906	4.259.133.019	2.129.566.510
Các đối tượng khác	4.743.824.857	1.130.725.309	3.495.407.644	1.200.328.287
Cộng	20.970.087.713	7.157.011.165	51.393.833.289	25.956.079.399

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	2.662.327.800	-	2.287.726.019	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.523.093.554	-	18.903.478.775	-
Công cụ, dụng cụ	1.315.000	-	4.699.594	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	219.203.295	-	5.140.000	-
Thành phẩm	13.711.236.961	-	13.040.949.692	(300.019.283)
Hàng hóa	24.526.535.713	(143.318.341)	29.863.409.227	(1.118.496.720)
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Cộng	55.643.712.323	(143.318.341)	64.105.403.307	(1.418.516.003)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho giảm là do trong kỳ Công ty đã tiêu thụ được số thành phẩm và hàng hóa đã trích lập dự phòng tại 31/12/2015 nên điều chỉnh giảm giá trị dự phòng đã trích lập tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	175.867.492	197.741.772
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.472.869	185.741.772
Các khoản khác	154.394.623	12.000.000
b) Dài hạn	2.352.797.295	2.662.913.107
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	2.261.771.719	2.323.960.303
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	20.603.472	201.581.321
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.668.875	110.634.812
Các khoản khác	68.753.229	26.736.671

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày đầu năm	45.302.893.199	105.352.799.595	3.622.685.093	1.196.205.709	155.474.583.596
Mua trong năm	857.273.146	297.000.000	-	-	1.154.273.146
Thanh lý, nhượng bán (54.110.000)	(54.110.000)	-	-	-	(54.110.000)
Tại ngày cuối năm	46.106.056.345	105.649.799.595	3.622.685.093	1.196.205.709	156.574.746.742
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày đầu năm	12.597.798.104	73.192.676.639	2.711.367.806	1.037.382.493	89.539.225.042
Khấu hao trong năm	1.941.356.522	8.826.098.803	292.355.969	84.544.056	11.144.355.350
Thanh lý, nhượng bán (54.110.000)	(54.110.000)	-	-	-	(54.110.000)
Tại ngày cuối năm	14.485.044.626	82.018.775.442	3.003.723.775	1.121.926.549	100.629.470.392
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	32.705.095.095	32.160.122.956	911.317.287	158.823.216	65.935.358.554
Tại ngày cuối năm	31.621.011.719	23.631.024.153	618.961.318	74.279.160	55.945.276.350

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22, Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2016 là 47.126.419.521 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 56.861.436.885 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.974.804.300 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.569.164.124 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày đầu năm	11.218.360.591	410.130.120	11.628.490.711
- Giảm khác	-	-	-
Tại ngày cuối năm	11.218.360.591	410.130.120	11.628.490.711
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày đầu năm	4.172.128.592	195.310.517	4.367.439.109
Khấu hao trong năm	190.475.568	41.181.120	231.656.688
- Tăng khác	-	-	-
Tại ngày cuối năm	4.362.604.160	236.491.637	4.599.095.797
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.046.231.999	214.819.603	7.261.051.602
Tại ngày cuối năm	6.855.756.431	173.638.483	7.029.394.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22: Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.855.756.431 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.046.231.999 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất đã ký với ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.679.590.120 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.646.960.000 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	339.771.710	339.771.710	173.023.577	173.023.577
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	339.771.710	339.771.710	173.023.577	173.023.577
<i>Trong đó:</i>				
<i>Dự án đầu tư, nâng cấp tài sản cố định</i>	339.771.710	339.771.710	173.023.577	173.023.577

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn</i>	85.049.283.251	85.049.283.251	72.130.642.176	72.130.642.176
Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina	35.847.962.816	35.847.962.816	35.142.565.899	35.142.565.899
Branch Mitsubishi Corporation Singapore	27.012.018.425	27.012.018.425	2.878.583.400	2.878.583.400
Intraco Trading PTE., Ltd	6.709.404.488	6.709.404.488	5.835.267.900	5.835.267.900
Công ty TNHH Hưng Nghiệp FORMOSA	1.787.393.378	1.787.393.378	2.132.534.868	2.132.534.868
Công ty Cổ Phần Nhựa Thăng Long	-	-	845.075.000	845.075.000
Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn	-	-	9.084.627.707	9.084.627.707
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	1.190.578.200	1.190.578.200	3.464.523.200	3.464.523.200
Covestro (Hong Kong) Limited	802.208.000	802.208.000	-	-
Vinomig Singapore PTE.,Ltd	4.168.347.975	4.168.347.975	-	-
Asia Focus IND.,Ltd	2.346.458.400	2.346.458.400	-	-
Victory International Venture PTE.,Ltd	2.583.360.450	2.583.360.450	-	-
Các đối tượng khác	2.601.551.119	2.601.551.119	12.747.464.202	12.747.464.202
<i>Trong đó:</i>				
<i>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	37.092.339.273	37.092.339.273	36.333.144.099	36.333.144.099
Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina	35.847.962.816	35.847.962.816	35.142.565.899	35.142.565.899
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	1.190.578.200	1.190.578.200	-	-
Các đối tượng khác	53.798.257	53.798.257	1.190.578.200	1.190.578.200
<i>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	35.847.962.816	35.847.962.816	44.227.193.606	44.227.193.606
Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina	35.847.962.816	35.847.962.816	35.142.565.899	35.142.565.899
Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn	-	-	9.084.627.707	9.084.627.707

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	58.250.100.877	58.250.100.877	2.083.557.975	2.083.557.975
Công ty TNHH Tài Tâm	57.369.659.457	57.369.659.457	-	-
Trần Thị Thanh Huyền	420.000.000	420.000.000	300.000.000	300.000.000
Hộ Kinh Doanh Thái Thành	255.000.000	255.000.000	255.000.000	255.000.000
Các đối tượng khác	205.441.420	205.441.420	1.528.557.975	1.528.557.975
<i>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	325.654.188	2.185.655.325	2.416.213.920	95.095.593
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	258.622.445	258.622.445	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.840.476	229.337.972	239.540.641	66.637.807
Thuế thu nhập cá nhân	120.629.253	268.005.051	261.661.131	126.973.173
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	892.504.710	892.504.710	-
Các loại thuế khác	2.500.000	13.500.000	16.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.986.916.209	481.112	481.112	9.986.916.209
Cộng	10.512.540.126	3.848.106.615	4.085.023.959	10.275.622.782
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	6.680.289.418	317.772.337	19.437.739	6.381.954.820
Thuế xuất, nhập khẩu	11.218.878	11.218.878	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.058.736	-	-	101.058.736
Các loại thuế khác	350.083	-	-	350.083
Cộng	6.792.917.115	328.991.215	19.437.739	6.483.363.639

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.103.173.082	14.718.045.308
Trích trước chi phí lãi tiền vay	17.960.347.582	14.718.045.308
Chi phí trích trước khác	142.825.500	-
b) Dài hạn	-	-

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	21.776.555.664	24.728.614.764
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	181.036.379	119.534.165
Bảo hiểm xã hội	-	11.043.969
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.595.519.285	24.598.036.630
- Tiền cổ tức phải nộp Ngân sách Nhà nước-Bộ Tài chính	20.470.947.648	20.470.947.648
- Phải trả các đối tượng khác	1.124.571.637	4.127.088.982
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	56.441.032.338	56.441.032.338	198.539.426.117	158.320.564.254	96.659.894.201	96.659.894.201
Ngân hàng TMCP ĐT&PT - CN Sài Gòn (BIDV) (i)	39.461.018.949	39.461.018.949	139.569.956.820	109.040.380.266	69.990.595.503	69.990.595.503
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bình Tây	-	-	12.693.631.856	3.286.000.000	9.407.631.856	9.407.631.856
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Việt Nam - CN Chợ Lớn	3.650.000.000	3.650.000.000	1.000.000.000	4.650.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (ii)	13.330.013.389	13.330.013.389	35.917.111.750	34.308.728.502	14.938.396.637	14.938.396.637
Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	9.358.725.691	7.035.455.486	2.323.270.205	2.323.270.205
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	66.282.307.317	66.282.307.317	55.704.246.315	16.856.921.142	105.129.632.490	105.129.632.490
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	66.282.307.317	66.282.307.317	3.276.965.964	16.856.921.142	52.702.352.139	52.702.352.139
Ngân hàng Nông Nghiệp-CN Sài Gòn	-	-	52.427.280.351	-	52.427.280.351	52.427.280.351

Ghi chú:

i. *Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:*

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn dưới hình thức Hợp đồng tín dụng số 706/2012/HD ngày 11/6/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1071/2016/HD ngày 13/06/2016. Khoản tín dụng này có hạn mức tối đa là 100 tỷ đồng, trong đó dư nợ ngắn hạn tối đa là 70 tỷ đồng. Công ty chịu lãi suất theo từng kế ước nhận nợ với lãi suất từ 7%. Thời hạn hợp đồng đến hết ngày 13/06/2017. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm tài sản cố định vô hình tại Bình Dương và khoản tiền gửi tại ngân hàng trị giá 37,5 tỷ đồng.

ii. *Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương*

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 013A16/BBĐ ngày 29/01/2016; Hạn mức 20 tỷ đồng; Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày nhận nợ; Mục đích bổ sung vốn lưu động; Lãi suất 7%/năm và được điều chỉnh theo từng kế ước vay; Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	57.997.018.985	57.997.018.985	21.076.480.236	19.971.045	79.053.528.176	79.053.528.176
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	57.997.018.985	57.997.018.985	21.076.480.236	19.971.045	79.053.528.176	79.053.528.176

Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 49.010.105 CNY để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trực in dự án. Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo. Khoản vay chịu lãi suất 3.2% /năm tính trên dư nợ cho vay. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 10/09/2011 đến ngày 10/03/2021 vào ngày 10/3 và ngày 10/9 hàng năm.

Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17/4/2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thì: (i) Cho phép Công ty được khoan nợ 03 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016); (ii) Cho phép trích khấu hao cơ bản theo kế ước vay vốn ODA đối với thiết bị đã mua từ 12 năm lên 15 năm; (iii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh của khoản vay vốn ODA được phân bổ dần vào chi phí phù hợp với các kỳ trả nợ vốn vay. Tuy nhiên, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 Công ty vẫn đang tiếp tục chờ văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính như tại Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 nêu trên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	66.282.307.317	105.129.632.490
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	57.997.018.985	70.269.802.815
Sau năm năm	-	8.783.725.361
Cộng	124.279.326.302	184.183.160.666
Trích: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	66.282.307.317	105.129.632.490
Số phải trả sau 12 tháng	57.997.018.985	79.053.528.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	194.289.130.000	199.031.463	(169.482.162.373)	25.005.999.090
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.211.297.060	21.211.297.060
Phân phối lợi nhuận	-	-	(458.929.805)	(458.929.805)
Tăng/(giảm) khác	-	-	(3.358.618.379)	(3.358.618.379)
Số dư đầu năm nay	194.289.130.000	199.031.463	(152.088.413.497)	42.399.747.966
Lợi nhuận trong năm	-	-	28.883.700.026	28.883.700.026
Thù lao Ban điều hành	-	-	(114.000.000)	(114.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(292.399.678)	(292.399.678)
Tăng/(giảm) khác	-	-	(2.349.045.215)	(2.349.045.215)
Số dư cuối năm nay	194.289.130.000	199.031.463	(125.960.158.364)	68.528.003.099

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	127.943.420.000	127.943.420.000
Vốn góp của các đối tượng khác	66.345.710.000	66.345.710.000
Cộng	194.289.130.000	194.289.130.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
		VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		-
- Vốn góp đầu năm	194.289.130.000	194.289.130.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	194.289.130.000	194.289.130.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)	19.470,44	3.372,25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại các sản phẩm nhựa plastic, các hoạt động khác chiếm tỷ lệ không đáng kể (dưới 10%), do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty phân chia khu vực địa lý để quản lý hoạt động theo 03 Miền: Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Tuy nhiên, hoạt động trong kỳ của Công ty chủ yếu tại Khu vực các tỉnh Miền Nam, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	236.034.416.843	448.362.125.776
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hoá	179.761.291.887	343.808.952.492
- Doanh thu bán thành phẩm	49.092.062.771	89.047.911.626
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.181.062.185	15.505.261.658
Cộng	236.034.416.843	448.362.125.776
	Năm nay	Năm trước
Các khoản giảm trừ doanh thu	863.636	576.178.109
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	-	519.900.000
- Hàng bán bị trả lại	863.636	56.278.109

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	218.248.421.566	411.313.683.045
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.651.433.630	5.462.745.522
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.275.197.662)	1.418.516.003
Cộng	228.624.657.534	418.194.944.570

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.940.888.445	2.075.771.650
Lãi bán các khoản đầu tư	-	4.951.504.957
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	14.631.637.020
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.033.423.342	1.128.095.952
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	12.716.024	710.127.083
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	65.473.632
Cộng	8.987.027.811	23.562.610.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.280.754.001	21.710.624.226
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.248.186.914	664.238.263
Lỗi chênh lệch tỷ giá	244.002.050	910.866.923
Chi phí tài chính khác	77.906	42.558.902
Cộng	15.773.020.871	23.328.288.314

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	6.139.963.206	9.589.218.018
Chi phí đồ dùng văn phòng	418.158.722	373.863.346
Chi phí khấu hao TSCĐ	596.575.502	2.234.702.790
Thuế, phí và lệ phí	940.703.029	690.040.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.516.034.536	3.968.113.560
Các khoản chi phí QLDN khác	1.748.678.784	3.006.175.669
Cộng	13.360.113.779	19.862.113.695
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí tiền điện		-
Chi phí nhân viên	1.629.300.006	2.012.235.139
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.793.873	14.975.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.477.856	80.179.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.718.490.563	2.501.711.094
Chi phí thuê nhà, thuê kho	-	77.373.505
Chi phí vận chuyển	144.136.030	517.613.250
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.043.083.028	1.330.193.337
Cộng	5.598.281.356	6.534.281.601
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(12.688.862.294)	(972.314.535)
Cộng	(12.688.862.294)	(972.314.535)

31. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.883.700.026	20.202.310.001
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.428.913	19.428.913
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.487	1.040
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	180.720.358.640	280.843.054.867
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(10.423.766.565)	(8.069.890.607)
Nợ thuần	170.296.592.075	272.773.164.260
Vốn chủ sở hữu	68.646.220.188	42.517.661.496
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	248,1%	641,6%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.423.766.565	8.069.890.607
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.474.175.652	108.629.302.730
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150.000.000	39.000.450.000
Các khoản ký quỹ	35.000.000	453.311.609
Cộng	141.082.942.217	156.152.954.946
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	180.720.358.640	280.843.054.867
Phải trả người bán và phải trả khác	86.173.854.888	76.257.731.158
Chi phí phải trả	18.103.173.082	14.718.045.308
Cộng	284.997.386.610	371.818.831.333

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế, do đó Công ty chưa áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất nào đáng kể do không phát sinh các khoản vay.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, tuy nhiên, giá trị đầu tư thấp theo đó Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.423.766.565	-	10.423.766.565
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.605.142.124	21.035.000.000	88.640.142.124
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.150.000.000	-	41.150.000.000
Các khoản ký quỹ	-	35.000.000	35.000.000
Cộng	119.178.908.689	21.070.000.000	140.248.908.689
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	122.723.339.655	57.997.018.985	180.720.358.640
Phải trả người bán và phải trả khác	86.173.854.888	-	86.173.854.888
Chi phí phải trả	18.103.173.082	-	18.103.173.082
Cộng	227.000.367.625	57.997.018.985	284.997.386.610
Chênh lệch thanh khoản thuần	(107.821.458.936)	(36.927.018.985)	(144.748.477.921)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.069.890.607	-	8.069.890.607
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.917.627.028	21.024.000.000	106.941.627.028
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.000.450.000	-	39.000.450.000
Các khoản ký quỹ	429.311.609	24.000.000	453.311.609
Cộng	133.417.279.244	21.048.000.000	154.465.279.244
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	201.789.526.691	79.053.528.176	280.843.054.867
Phải trả người bán và phải trả khác	76.257.731.158	-	76.257.731.158
Chi phí phải trả	14.718.045.308	-	14.718.045.308
Cộng	292.765.303.157	79.053.528.176	371.818.831.333
Chênh lệch thanh khoản thuần	(159.348.023.913)	(58.005.528.176)	(217.353.552.089)

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Bộ Công thương
Công ty CP Nhựa Vân Đồn
Công ty CP Youl Chon Vina
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa và Hoá chất TPC Vina
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn - Ảnh hưởng đáng kể
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên doanh
Công ty liên doanh
Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

Ngoài khoản phải thu của bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh - Phải thu của khách hàng và khoản phải trả bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh - Phải trả người bán, Thuyết minh - Phải thu khác, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng	33.576.420.898	38.532.467.500
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	32.826.420.898	38.532.467.500
Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem	750.000.000	-
Mua hàng	33.372.216.364	62.774.165.806
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	33.224.170.909	62.774.165.806
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch Vụ Nhựa Trường An	148.045.455	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:


	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	480.973.500	403.614.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	274.800.000	307.200.000
Cộng	755.773.500	710.814.000

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán; số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.



Lê Hoàng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017


Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng


Trần Thị Phụng
Người lập biểu